



PETIMEX

 215-217, Trương Hán Siêu, Phường Phú Mỹ, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

 (84 0277) 3877 011 – (84 0277) 3877 012 – (84 0277) 38770 16

 (84 0277) 3877 029

 www.dopetco.com.vn



PETIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2021



MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

01. Thông tin khái quát
02. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
03. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
04. Định hướng phát triển
05. Các rủi ro

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

01. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
02. Tổ chức và nhân sự
03. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
04. Tình hình tài chính
05. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
06. Báo cáo các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

01. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
02. Tình hình tài chính
03. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
04. Kế hoạch phát triển trong tương lai

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

01. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty,
02. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
03. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

01. Hội đồng quản trị
02. Ban kiểm soát
03. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01. Ý kiến kiểm toán
02. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán



THÔNG TIN CHUNG

01. Thông tin khái quát
02. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
03. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
04. Định hướng phát triển
05. Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Tên tiếng Anh:	DONG THAP PETROLEUM TRANSPORTATIONS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	DOPETCO
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	1400475345 (số cũ 5103000024) do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/10/2014, đăng ký thay đổi lần 09 ngày 17/09/2019.
Vốn điều lệ:	47.199.500.000 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	47.199.500.000 VNĐ

Địa chỉ:	215-217, Trương Hán Siêu, Phường Phú Mỹ, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Số điện thoại:	(84 0277) 3877 011 – (84 0277) 3877 012 – (84 0277) 38770 16
Số fax:	(84 0277) 3877 029
Website:	www.dopetco.com.vn
Mã cổ phiếu:	DOP
Logo:	



Vốn điều lệ (VNĐ)

47.199.500.000





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2004

Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là doanh nghiệp được hình thành dưới hình thức cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải xăng dầu thuộc Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp theo quyết định số: 160/QĐ-UB-TL ngày 10/08/2004 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Tháp, Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật

2011

Ngày 18/08/2011, Công ty được trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận số 59/2011/GCNCP-CSD

2015

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 657/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp.

Ngày 30/10/2015, cổ phiếu DOP được giao dịch chính thức trên sàn UPCOM

2019

Ngày 07/08/2019, Công ty hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn điều lệ lên 47.199.500.000 đồng

2021

Từ năm 2019 đến nay, Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty vẫn tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, tập trung phát triển mảng kinh doanh chính của Công ty, mang lại nguồn thu ổn định cho Công ty và đảm bảo thu nhập cho người lao động



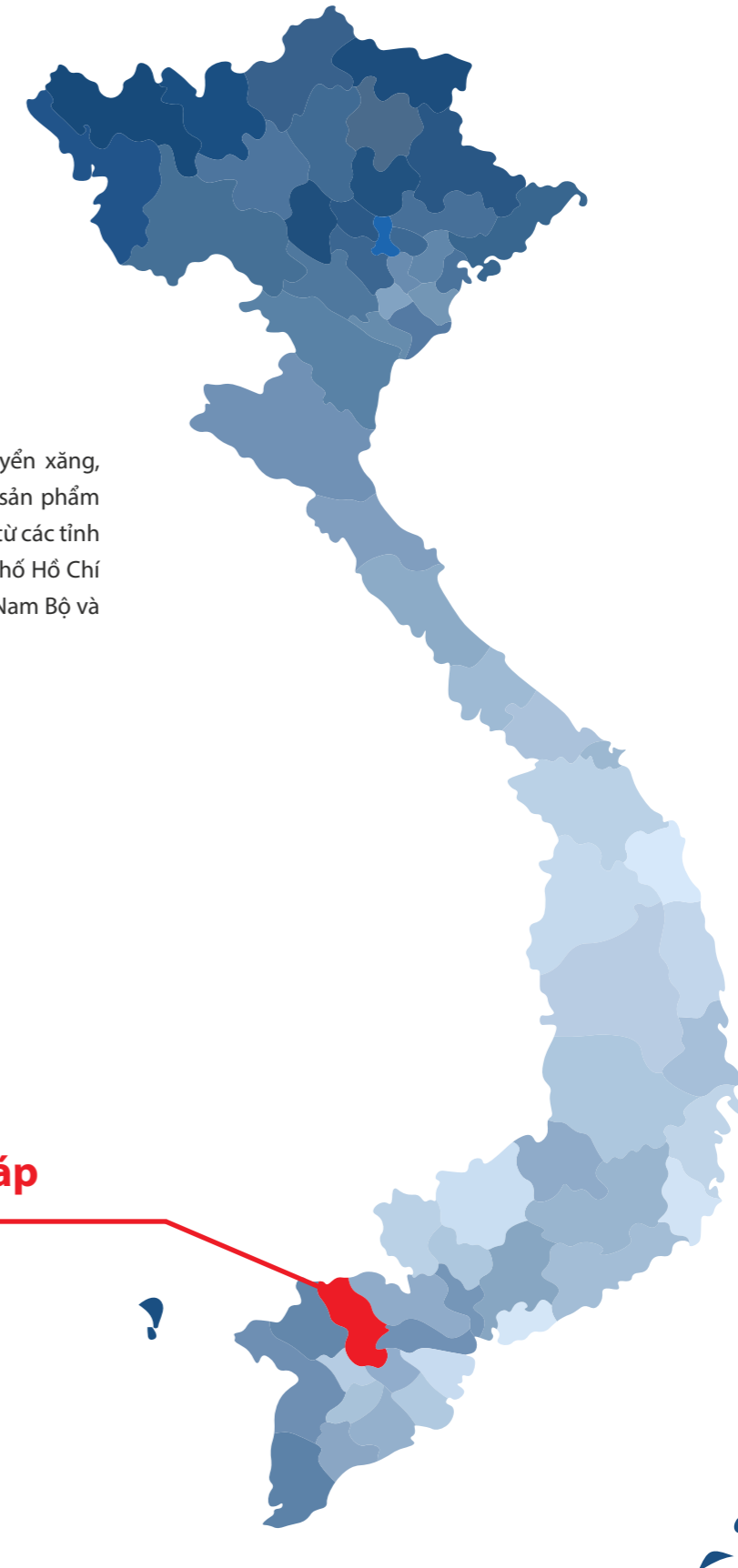
Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp hoạt động trong lĩnh vực vận tải và kinh doanh xăng dầu, nhớt, cụ thể như:

- ✓ Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy;
- ✓ Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ✓ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: mua bán xăng dầu, nhớt;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ phụ trợ cho cảng sông, cảng biển; Kinh doanh vận tải, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường thủy; Quản lý và khai thác cảng sông và cảng biển; Dịch vụ cảng và bến cảng.
- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Cho thuê kho bãi, lưu giữ hàng hóa; dịch vụ kho ngoại quan.
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Kinh doanh dịch vụ logistic; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ khai thuê hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- ✓ Dịch vụ cảng.



Địa bàn kinh doanh



Công ty hoạt động vận chuyển xăng, dầu, nhớt, khí hóa lỏng, các sản phẩm dầu mỏ và các hàng hóa khô từ các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh, đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và Campuchia.



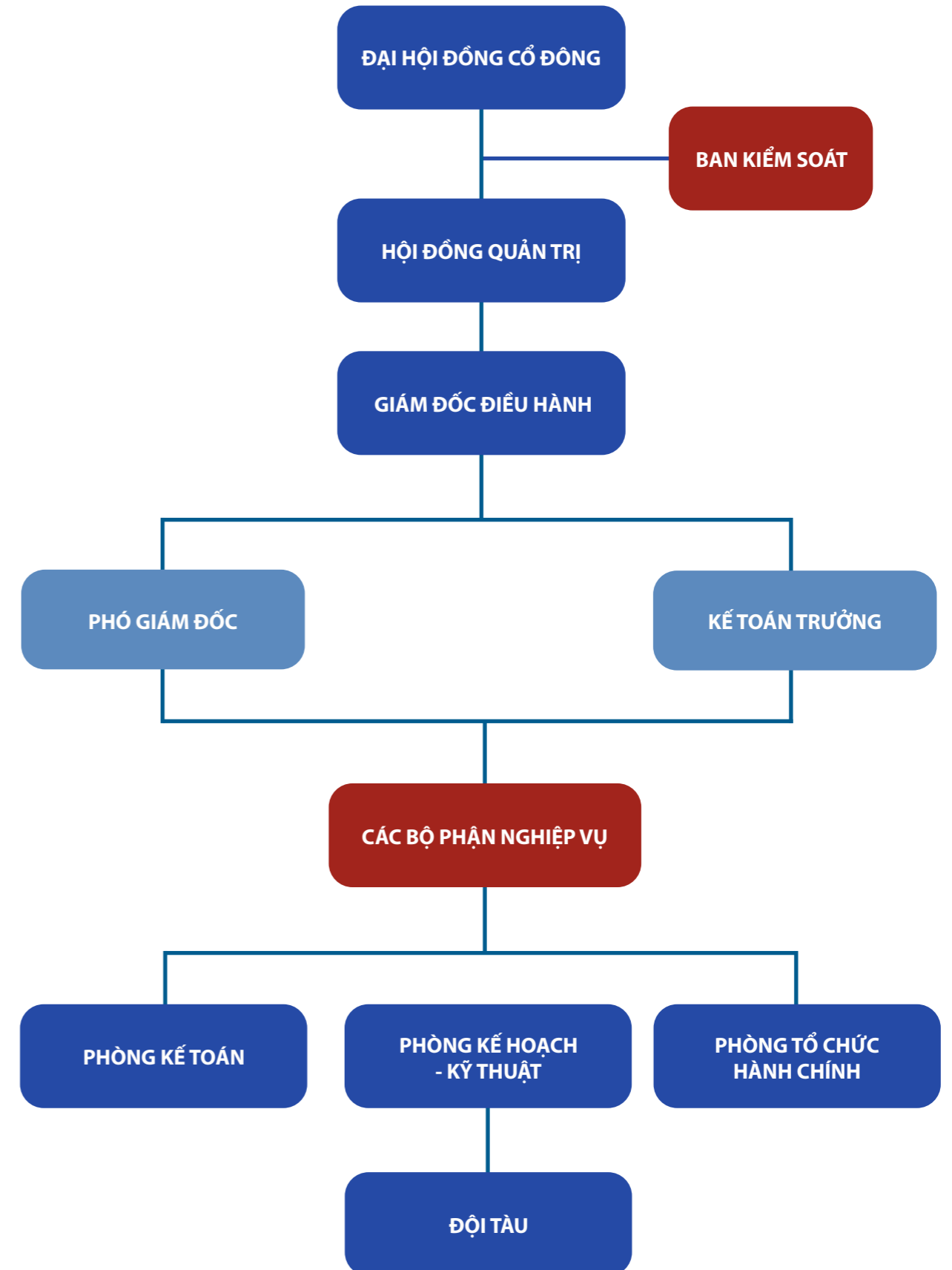
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và những phòng ban liên quan.



Cơ cấu bộ máy quản lý





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

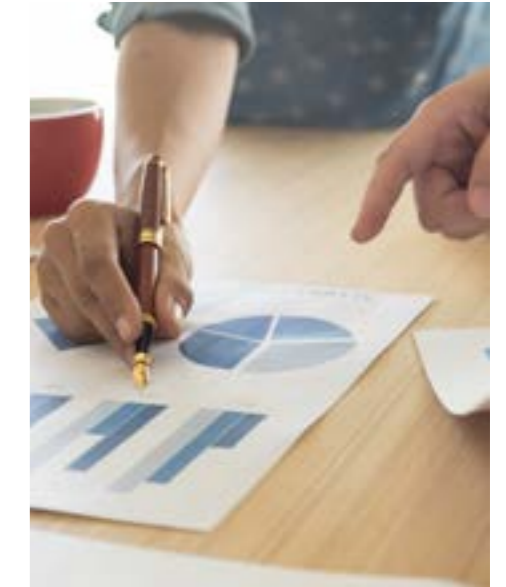
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp xác định lĩnh vực kinh doanh cốt lõi gồm các loại hình vận tải theo chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép. Với mục tiêu xây dựng hình ảnh và thương hiệu của DOPETCO trên thương trường ngành vận tải xăng dầu ngày càng phát triển, Công ty tập trung:

- Nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu thu được tối đa các khoản lợi nhuận;
- Tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;
- Tăng lợi tức cho các Cổ đông;
- Đóng góp Ngân sách cho Nhà nước;
- Không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

DOPETCO xác định công tác bảo vệ môi trường vừa là trách nhiệm vừa là nghĩa vụ trong sự nghiệp phát triển bền vững của xã hội và của chính Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng đến bảo vệ môi trường, và luôn nhắc nhở cán bộ công nhân viên nâng cao nhận thức và cùng quan tâm bảo vệ môi trường.

Công ty tiếp tục tích cực tham gia vào các hoạt động của địa phương để hỗ trợ an sinh xã hội cũng như các chương trình tình nguyện và hoạt động từ thiện cho cộng đồng nhằm tạo dựng hình ảnh Công ty trong mắt công chúng.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty tiếp tục triển khai kế hoạch vận chuyển hàng hóa hợp lý, mở rộng thêm tuyến đường vận chuyển tới khách hàng; Đồng thời xúc tiến nguồn hàng vận chuyển mới, cả vận chuyển nội địa và vận chuyển hàng tái xuất.

Công ty tiếp tục xây dựng, củng cố và mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân là đối tác chiến lược tại thị trường nội địa và thị trường Campuchia; tích cực tìm kiếm, mở rộng nguồn khách hàng; đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, chất lượng dịch vụ và tối đa hóa lợi ích cổ đông nhằm đảm bảo việc tăng trưởng doanh thu bền vững trong tương lai của Công ty.

DOPETCO chú trọng tạo môi trường làm việc minh bạch, năng động, thân thiện và tập trung nâng cao công tác đào tạo đội ngũ nhân viên lành nghề và chuyên nghiệp từng bước xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng.



CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Năm 2021, với sự bùng phát trở lại và kéo dài của đại dịch Covid-19 đã gây ra nhiều biến động về mọi mặt đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Với phương châm “tính mạng của nhân dân là trên hết, trước hết” nên Nhà nước đã ban hành các đợt giãn cách xã hội kéo dài, việc này đã gây đứt gãy chuỗi lưu thông hàng hóa và lao động. Hơn nữa, một số quốc gia thực hiện phong tỏa biên giới khiến số lượng hàng hóa lưu thông qua cảng biển ngày càng giảm và giá cước thấp kéo dài làm cho các doanh nghiệp vận tải hàng hoá đường thủy lâm vào tình trạng khó khăn khi nhu cầu vận chuyển giảm đáng kể.

Trước những khó khăn phải đối mặt, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách chỉ đạo phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh như thực hiện mục tiêu kép “đẩy lùi bệnh dịch và phát triển kinh tế”, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh để tiếp tục phát huy thế mạnh vận tải đường thủy nội địa và vận tải ven biển bằng phương tiện thủy nội địa, đảm bảo đạt được các mục tiêu của vận tải đường thủy nội địa đã đặt ra trong thời

gian tới. Nhờ những biện pháp kịp thời tại Việt Nam, vào những tháng cuối năm 2021, tình hình kinh tế nước ta có dấu hiệu khởi sắc trở lại, chỉ số sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng, hoạt động xuất nhập khẩu duy trì hiệu quả,... Bức tranh kinh tế Việt Nam đang phục hồi trở lại và bắt đầu tạo được “sức bật” mạnh mẽ cho thời gian tiếp theo.

Đây là tín hiệu đáng mừng, tuy nhiên các doanh nghiệp vận tải đường thủy nội địa không thể chủ quan vì dịch Covid 19 vẫn đang diễn biến phức tạp. Hàng loạt rủi ro nêu trên không chỉ riêng DOPETCO mà bất cứ doanh nghiệp nào cũng có khả năng gặp phải. Vì vậy, Công ty luôn trong tư thế sẵn sàng để chuẩn bị cho những trường hợp không mấy khả quan như lạm phát cao, tình hình dịch bệnh kéo dài và nền kinh tế chững lại. Ban quản trị Công ty luôn cập nhật và theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, chủ động có những chủ trương và hướng đi cho các trường hợp có thể xảy ra để có thể dễ dàng thích ứng và đối phó, đảm bảo lợi ích của Công ty không bị ảnh hưởng nhiều.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối của Luật Doanh Nghiệp, Luật Giao thông quy định về vận chuyển xăng dầu, đồng thời do DOPETCO là công ty đại chúng và đăng ký giao dịch trên UPCOM nên còn tuân theo các quy định của Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư liên quan các văn bản pháp luật khác có liên quan. Với tình hình hội nhập sâu như hiện nay, để tạo môi trường có hệ thống luật lệ an toàn, bảo vệ nhà đầu tư trong và ngoài nước, các văn bản pháp luật tại Việt Nam luôn được cập nhật và sửa đổi. Cụ thể,

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 cùng bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 đã ảnh hưởng đáng kể đến Công ty vì có một số điều lệ thay đổi chặt chẽ hơn có liên quan đến Công ty đại chúng. DOPETCO luôn tuân thủ pháp luật một cách nghiêm túc, đồng thời luôn cập nhật và nắm bắt sự thay đổi trong các văn bản luật liên quan, linh hoạt điều chỉnh hoạt động của mình nhằm tránh các vi phạm ảnh hưởng đến tài chính và hình ảnh của Công ty.



Rủi ro môi trường

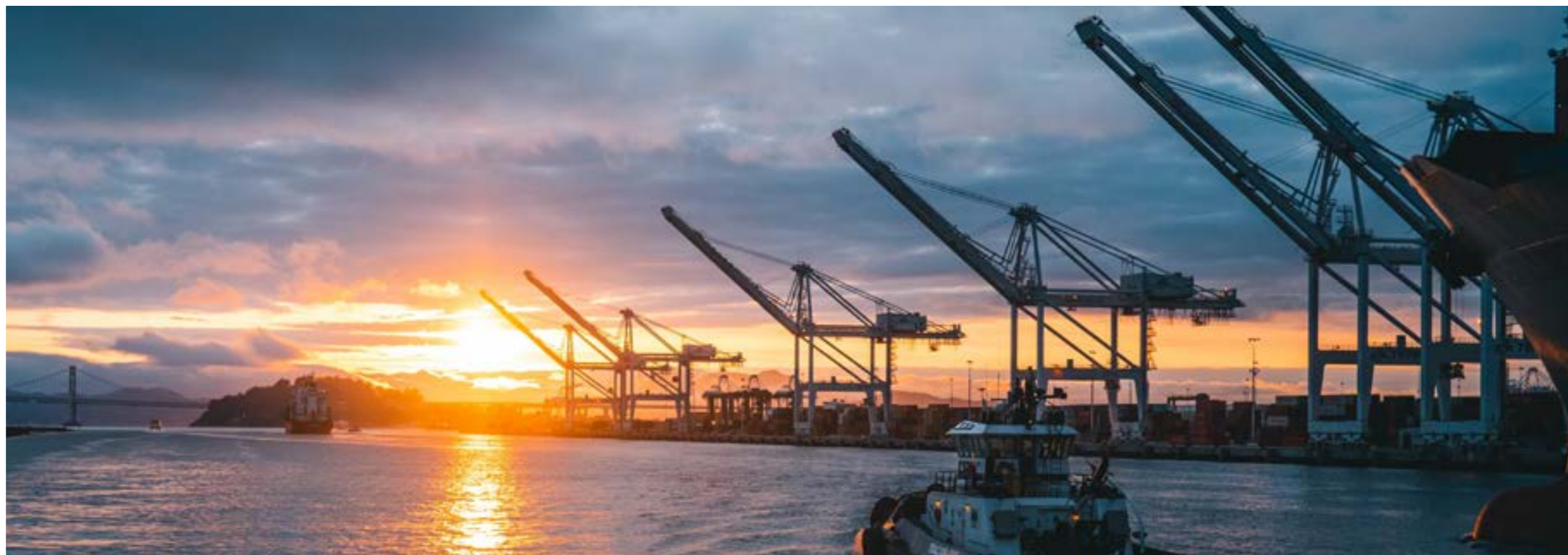
DOPETCO đảm nhận việc vận chuyển nhiều loại hàng hóa, nhưng chủ yếu là xăng dầu. Quá trình vận chuyển xăng dầu tồn tại nhiều rủi ro nổi bật như rủi ro tràn dầu, cháy, nổ,... có khả năng gây ra ô nhiễm môi trường nước và ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của cộng đồng xung quanh. Đặc biệt trong thời gian gần đây, người dân đã nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và đánh giá các doanh nghiệp dựa trên việc tuân thủ luật bảo vệ môi trường đi cùng với trách nhiệm xã hội nên bảo vệ môi trường là yêu cầu đặt ra cho tất cả các doanh nghiệp nói chung cũng như DOPETCO nói riêng.

Là doanh nghiệp xem việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ trong sự nghiệp phát triển bền vững,

DOPETCO ý thức được tầm quan trọng của rủi ro môi trường. Vì vậy, các tiêu chí an toàn trong quá trình vận chuyển xăng dầu được công ty quy định nghiêm ngặt và Công ty còn chú trọng công tác bảo đảm an toàn cũng như kiểm tra kĩ lưỡng trong suốt quá trình hoạt động. Không chỉ vậy, Công ty luôn nhắc nhở nhân viên sử dụng năng lượng, điện, nước một cách hợp lý và khoa học để góp phần bảo vệ môi trường. Bằng những hành động cụ thể và thiết thực này, DOPETCO luôn mong muốn và nỗ lực để xây dựng hình ảnh Công ty có trách nhiệm với xã hội.

Rủi ro cạnh tranh

Đối với lĩnh vực giao thông vận tải, vận tải thủy nội địa đóng vai trò rất quan trọng trong vận chuyển hàng hóa, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân. Đặc biệt, đối với khu vực Nam Bộ nói chung và đồng bằng sông Cửu Long nói riêng là những nơi có mật độ sông ngòi thuộc nhóm cao nhất thế giới. Trong khi đó, nhu cầu giao thông vận tải và tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tuy nhiên, các bến cảng tại Việt Nam có số lượng nhà khai thác lớn với vị trí các cảng gần nhau, điều này dẫn đến cạnh tranh phân khúc thị trường vận tải đường thủy ngày càng tăng. Để hạn chế áp lực cạnh tranh thì Công ty luôn cố gắng tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng thị trường để cạnh tranh toàn diện với các doanh nghiệp cùng ngành khác.



Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Một yếu tố khác tác động trực tiếp tới hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải chính là giá nhiên liệu. Hiện tại, Việt Nam vẫn chưa chủ động được nguồn cung xăng dầu nên giá nguồn nhiên liệu đầu vào sẽ biến động phụ thuộc theo chính sách của các quốc gia trong, ngoài OPEC và chính sách của Nhà nước. Khi giá nhiên liệu biến động bất thường sẽ gây ảnh hưởng đến chi phí và doanh thu của DOPETCO, khiến cho doanh thu của Công ty trở nên kém hiệu quả. Để phòng ngừa rủi ro này, DOPETCO sẽ luôn chủ động nắm bắt tình hình nhằm đưa ra những giải pháp kịp thời trong mọi tình huống, đảm bảo cho doanh thu của Công ty không bị ảnh hưởng.



Rủi ro tiêu chuẩn ngành

Với một doanh nghiệp chuyên vận chuyển dầu bằng tàu thủy như DOPETCO, khi Tổ chức Hàng hải thế giới (IMO) tiến hành thay đổi quy định về tiêu chuẩn các tàu khí tham gia vận tải hàng hải sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của DOPETCO. Đối với trường hợp có quy định sử dụng nhiên liệu mới có thể khiến Công ty mất một số tiền tương đối lớn để thay thế các thiết bị kỹ thuật nhằm đảm bảo máy hoạt động an toàn.

Đồng thời, việc thay đổi một nhiên liệu mới có giá thành cao hơn khiến phương án tài chính của các Công ty vận tải vận tải biển gặp khó khăn. Đối với rủi ro này, Ban lãnh đạo của Công ty luôn chủ động tổ chức các cuộc họp để bàn luận về hướng giải quyết đồng thời đưa ra các kế hoạch cho mọi trường hợp có thể xảy ra nhằm đảm bảo cho hoạt động kinh doanh và lợi nhuận được ổn định.





Rủi ro tai nạn lao động

Trong các hình thức vận chuyển hiện nay, có thể đánh giá rằng vận tải đường thủy có mức độ rủi ro tai nạn lao động tương đối thấp. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp vận tải nội thủy nói chung và DOPETCO nói riêng, hệ thống cơ sở vật chất hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế đặc biệt là hệ thống phao tiêu, biển báo hiệu chưa lắp đặt hoàn chỉnh, hoạt động nạo vét luồng lạch còn hạn chế, âu thuyền chưa được xây dựng,... Không chỉ vậy, việc mắc cạn và đắm tàu là những thiệt hại phổ biến nhất mà các tàu kéo và sà lan gặp phải. Nguyên nhân thường là hỏng động cơ, tàu kéo yếu, bảng điều khiển chuyển hướng lỗi thời hoặc liên quan đến động cơ bị hỏng. Ngoài ra, còn phải kể đến những tai nạn thường gặp khác như va chạm với các tàu thuyền khác, rủi ro này thường xảy ra do sơ suất của thủy thủ đoàn, giám sát các điểm kiểm tra kém, hiển thị ánh sáng và hình dạng không an toàn bằng tàu kéo. Chính vì vậy, để giảm thiểu tối đa rủi ro trên, Công ty luôn tăng cường công tác giáo dục nâng cao ý thức của đội ngũ thuyền viên, nhắc nhở nhân viên tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông đường thủy, thực hiện xử nghiệm trường hợp người lao động vi phạm,...

Rủi ro thời tiết

Đối với ngành vận tải đường thủy nội địa, ngoài những rủi ro đặc thù, ngành còn phải chịu thêm rủi ro từ các yếu tố đến từ thiên nhiên như mưa lớn gây bão lũ,... Những năm gần đây, nước ta có số lượng lũ lụt lớn và nhiều cơn bão lớn tăng đáng kể gây thiệt hại lớn về kinh tế. Đối với Công ty đa phần sử dụng đường thủy để vận chuyển hàng hóa, xăng dầu thì việc thời tiết không thuận lợi cũng phần nào gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Do vậy, DOPETCO đã nghiêm túc tuân thủ các công tác phòng chống bão của địa phương, thường xuyên cập nhật thông tin để kịp thời ứng phó nên đảm bảo giảm thiểu được tối đa những thiệt hại không mong muốn.

Rủi ro cháy, nổ

Mặt hàng xăng dầu – thường xuyên được Công ty vận chuyển lại thuộc loại hàng hoá nguy hiểm khi có khả năng cháy nổ cao gây thiệt hại lớn về tính mạng và tài sản, đồng thời làm gián đoạn các hoạt động kinh doanh của Công ty và ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, việc đáp ứng được các điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy trong quá trình vận chuyển là ưu tiên hàng đầu với các đơn vị vận tải xăng dầu như DOPETCO. Công ty luôn chủ động thực hiện kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, phòng cháy chữa cháy kết hợp tuân thủ nghiêm ngặt mọi quy định về phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông đường thủy và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Công ty còn hướng dẫn cán bộ nhân viên của công ty các quy tắc khi xảy ra hỏa hoạn, đảm bảo luôn có các thiết bị, dụng cụ chữa cháy và đội cứu trợ kịp thời và thường xuyên tổ chức diễn tập định kỳ các tình huống giả định, và mua các sản phẩm bảo hiểm phù hợp.

Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro chính thì quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu tác động bởi những rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh,... Đây là những trường hợp bất khả kháng, tuy nhiên khi xảy ra trong thực tế sẽ để lại thiệt hại nặng nề về con người và tài sản. Chính vì thế, Công ty không chủ quan mà luôn chủ động thực hiện các biện pháp bảo hộ an toàn trong lao động, đồng thời, công ty cũng hạn chế rủi ro bằng cách mua bảo hiểm cho tất cả công nhân viên và tất cả tài sản trong công ty để khi có trường hợp này xuất hiện thì doanh nghiệp hoàn toàn có thể xử lý tốt và quay lại vị thế vận hành.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

01. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
02. Tổ chức và nhân sự
03. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
04. Tình hình tài chính
05. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
06. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2020	Năm 2021	%2021/2020
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	71.432	72.340	101,27%
2	Doanh thu thuần	71.432	72.340	101,27%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.290	6.918	74,47%
4	Lợi nhuận khác	119	1.417	1.190,76%
5	Lợi nhuận trước thuế	9.408	8.335	89,58%

Trong năm 2021, sự bùng phát trở lại của làn sóng dịch Covid-19 từ cuối tháng 4/2021 đã gây ra những thiệt hại nặng nề đến nền kinh tế cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp nói riêng. Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng Ban lãnh đạo Công ty đã có sự chuẩn bị tốt từ công tác phòng chống dịch đến công tác quản trị, vận hành Công ty, nhờ vậy hoạt động kinh doanh trong năm 2021 nhìn chung vẫn được duy trì hiệu quả. Cụ thể, doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận hơn 72 tỷ đồng và các khoản lợi nhuận khác có mức tăng trưởng mạnh và đạt hơn 1 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	TH 2021	KH 2021	2021/2020	TH2021/KH2021
Doanh thu thuần	71.432	72.340	67.000	101,27%	106,54%
Lợi nhuận trước thuế	9.408	8.335	8.700	89,58%	95,80%
Tỷ lệ cổ tức	12%	15%			

Năm 2021 là năm có nhiều khó khăn, thách thức trong công tác sản xuất kinh doanh do diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 lan rộng khắp cả nước, đặc biệt đối với các tỉnh thành phía Nam. Với tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã có những chỉ đạo linh hoạt, kịp thời, bám sát các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra trong năm nhằm mang lại những lợi ích thiết thực cho Công ty, cổ đông và người lao động.

Các chỉ tiêu chính về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp năm 2021 đã đạt được kết quả như kế hoạch đề ra. Cụ thể, doanh

thu thuần vượt 6,54% so với kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt hơn 95%. Nguyên nhân là do trong năm qua giá cả nguyên, vật liệu đầu vào có sự biến động khiến cho chi phí bán hàng của Công ty tăng cao kéo theo kết quả lợi nhuận trước thuế của Công ty có sự sụt giảm nhẹ.

Nhìn chung, đây là thành quả đáng ghi nhận đối với sự cố gắng vượt qua khó khăn của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty, tạo tiền đề cho sự phục hồi và phát triển của Công ty trong thời gian tới khi dịch bệnh được kiểm soát và các hoạt động kinh doanh trở về trạng thái bình thường.

Danh sách Ban điều hành

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Hoàng Quân	Tổng Giám đốc	21.313	0,45%
2	Mai An Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
3	Lê Thị Thanh	Kế toán trưởng	3.646	0,08%



Lý lịch Ban điều hành

Ông Nguyễn Hoàng Quân - Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1979
Nơi sinh: Đồng Tháp
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

2001 – 09/2004: Công tác tại Công ty thương mại dầu khí Đồng Tháp (nay là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên dầu khí Đồng Tháp).
 10/2004 đến nay: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Vận tải xăng dầu Đồng Tháp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 21.313 cổ phiếu, tương đương 0,45% vốn điều lệ (445.791 cổ phiếu đại diện sở hữu)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Ông Mai An Mỹ - Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1961
Nơi sinh: Đồng Tháp
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

1999 – 2005: Phó Giám đốc tại Xí nghiệp II Chế biến lương thực – Công ty Thương Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp Đồng Tháp.
 2006 - 2008: Trưởng Phòng Nhân sự hành chính tại Công ty Cổ phần Docimexco.
 2009 – 2010: Phó Giám đốc tại Nhà máy Thức ăn thủy sản Domyfeed.
 2011 – 2012: Giám đốc tại Công ty Cổ phần Docitrans.
 2013 đến nay: Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu Đồng Tháp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Bà Lê Thị Thanh - Kế toán trưởng

Năm sinh: 1967
Nơi sinh: Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

2012 đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đồng Tháp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.646 cổ phiếu, tương đương 0,08% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2021: Không có

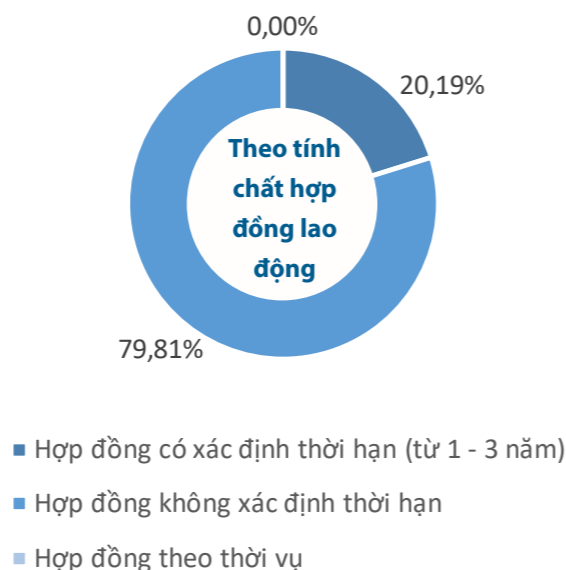
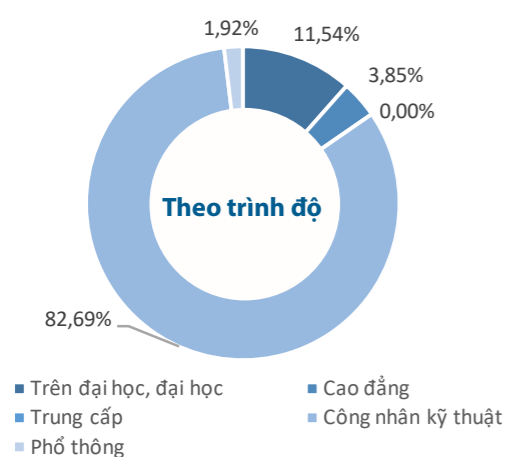
Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	104	100%
1	Trên đại học, đại học	12	11,54%
2	Cao đẳng	4	3,85%
3	Trung cấp	0	0%
4	Công nhân kỹ thuật	86	82,69%
5	Phổ thông	2	1,92%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	104	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn (từ 1 - 3 năm)	21	20,19%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	83	79,81%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	101	104	104	104
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.500.000	7.850.000	7.200.000	7.200.000



Chính sách nhân sự

DOPETCO hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển bằng đường thủy nên Công ty có hơn 90% nhân viên lao động là nam, vì vậy Công ty luôn chú trọng để cao việc phát triển nhân sự bền vững thông qua việc bảo đảm bình đẳng quyền lợi cho người lao động. Ngoài ra, DOPETCO luôn tiến hành đánh giá từng nhân viên trong suốt quá trình làm việc, đảm bảo người lao động phát huy được tinh thần làm việc cũng như hưởng mức thù lao tương xứng theo đúng hiệu quả và năng suất đạt được. Đồng thời, Công ty còn chú trọng tạo dựng môi trường làm việc thuận lợi với lộ trình thăng tiến rõ ràng giúp người lao động có kế hoạch và chủ động trên con đường phát triển sự nghiệp.

Về đào tạo:

Hàng năm DOPETCO đều thực hiện các công tác về tập huấn và đào tạo người lao động, đảm bảo đội ngũ nhân sự dễ dàng phát triển trong công việc cũng như luôn sẵn sàng đảm nhiệm nhiều vai trò mới. Ngoài ra, Công ty còn đa dạng hoá các hình thức đào tạo để phù hợp với từng bộ phận, từng lộ trình và từng vị trí công việc khác nhau.

Trong những năm vừa qua, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của đội tàu và các yêu cầu của Công ước quốc tế, DOPETCO luôn chú trọng vào các hình thức đào tạo để những lao động đủ năng lực và có tiềm năng có thể đảm đương được nhiều công việc mới một cách linh hoạt và chuyên nghiệp, đồng thời chú trọng tăng cường và bổ sung cán bộ có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm cho các phòng ban của Công ty.

Bên cạnh đó, do mức độ cạnh tranh trong ngành cao dẫn đến có sự chuyển dịch nhân sự từ ngành vận tải biển sang các ngành khác nên việc tìm kiếm nhân sự phù hợp ngày càng khó khăn, gây áp lực lên việc đào tạo và phát triển; do đó Công ty luôn ở trạng thái chủ động và sẵn sàng trong mọi công tác nhân sự. Không chỉ đào tạo chuyên về công việc, DOPETCO còn thực hiện công tác phối hợp các cơ sở đào tạo để tổ chức các lớp học huấn luyện kỹ năng cho người lao động, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên như:

- ✓ An toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy;
- ✓ Quản lý hóa đơn và chi phí sản xuất kinh doanh.

Trong năm, DOPETCO luôn tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao cũng như đều đặn tổ chức các chuyến du lịch, tham quan để tăng sự kết nối và tinh thần đoàn kết của cả tập thể. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tập trung xây dựng chế độ tiền lương, thưởng đúng quy định nhằm kích thích người lao động phấn đấu tăng năng suất lao động và có trách nhiệm đối với công việc. Cụ thể, tiền lương, tiền thưởng Công ty phân phối cho người lao động luôn đảm bảo tương xứng với chức danh cũng như kết quả làm việc của người lao động trong từng bộ phận công tác. Đồng thời, Công ty còn chú trọng tạo dựng môi trường làm việc thuận lợi và có cơ hội thăng tiến để cán bộ, công nhân viên thực sự cống hiến hết mình cho sự phát triển của Công ty.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:

Công ty luôn đảm bảo các chế độ về phúc lợi và chính sách xã hội theo đúng luật lệ và quy định của nhà nước. Không chỉ vậy, DOPETCO còn có những chính sách cụ thể để quan tâm đến sức khỏe và môi trường làm việc của nhân viên như:

- ✓ Về Bảo hiểm: Công ty thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật về việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo Bộ Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Ngoài ra, Công ty còn mua thêm bảo hiểm sinh mạng, tai nạn cá nhân 24/24 cho toàn thể lao động.
- ✓ Về Phúc lợi: Công ty chú trọng xây dựng chính sách phúc lợi chi tiết, cập nhật mới các quy định theo từng năm để duy trì chế độ phúc lợi phù hợp nhất cho nhân viên. Đồng thời, Công ty còn thực hiện chế độ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, hạn chế đến mức thấp nhất các bệnh nghề nghiệp. Nhờ vậy, DOPETCO đã tạo được động lực làm việc cũng như khích lệ nhân viên đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển của Công ty.

Các khoản đầu tư lớn: Không có

Các công ty con, công ty liên kết: Không có



Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

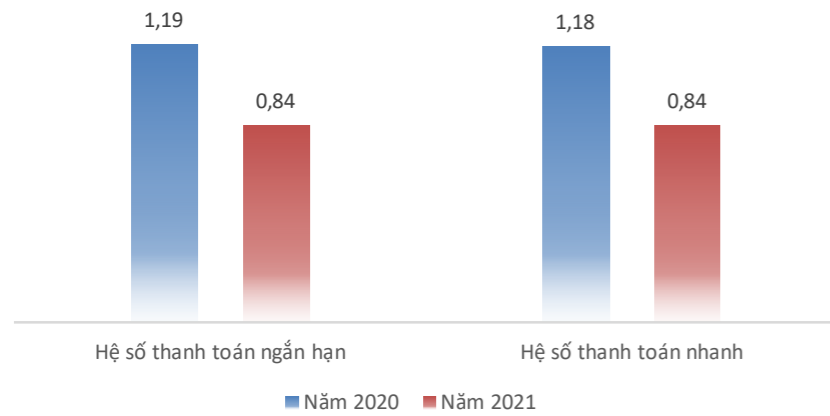
STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%2021/2020
1	Doanh thu thuần	71.432	72.340	101,27%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.290	6.918	74,47%
3	Lợi nhuận trước thuế	9.408	8.335	88,59%
4	Lợi nhuận sau thuế	8.006	7.172	89,58%

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,19	0,84
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,18	0,84
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	22,90	25,05
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	29,70	33,43
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	91,70	224,57
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,74	0,75
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,21	9,91
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,93	9,81
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,27	7,46
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	13,00	9,56



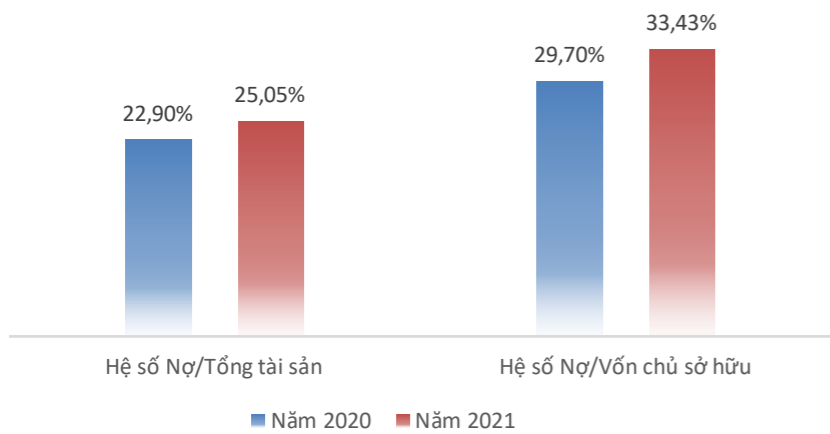
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Năm 2021, các hệ về khả năng thanh toán của Công ty đều giảm. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều đạt mức 0,84 lần trong năm 2021, ghi nhận giảm so với mức 1,19 lần và 1,18 lần trong năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do nợ ngắn hạn tăng 4,73 tỷ đồng, tương ứng tăng 34,81% so với năm 2020, phần lớn phát sinh làm tăng nợ ngắn hạn đến từ khoản phải trả cho các bên liên quan như Công

ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Đồng Tháp (cụ thể là khoản nợ cổ tức) và tiền kinh phí công đoàn, tiền thu hộ bảo hiểm và cổ tức phải trả đối với các đối tượng khác. Theo đó, khoản phải trả ngắn hạn khác được ghi nhận tại thời điểm 31/12/2021 tăng từ 732 triệu đồng lên 5,97 tỷ đồng, tức tăng 5,24 tỷ đồng, tăng hơn 7 lần so với giá trị năm 2020. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng vay từ Ngân hàng BIDV (Chi nhánh Đồng Tháp) với số tiền 1,37 tỷ đồng. Đây cũng là nguyên nhân góp phần khiến nợ ngắn hạn tăng trong năm 2021. Ngược lại với nợ ngắn hạn, tài sản ngắn hạn giảm 794 triệu đồng, tương ứng giảm 4,90% so với năm 2020. Tuy mức độ giảm của tài sản ngắn hạn không lớn nhưng việc tăng nợ nhiều trong năm làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty, do đó Công ty cần có những kế hoạch trả nợ hợp lý, chọn lọc những khoản nợ phù hợp để tiến hành thanh toán trong thời gian sắp tới, đảm bảo đúng thời hạn trả nợ và phục hồi khả năng thanh toán.

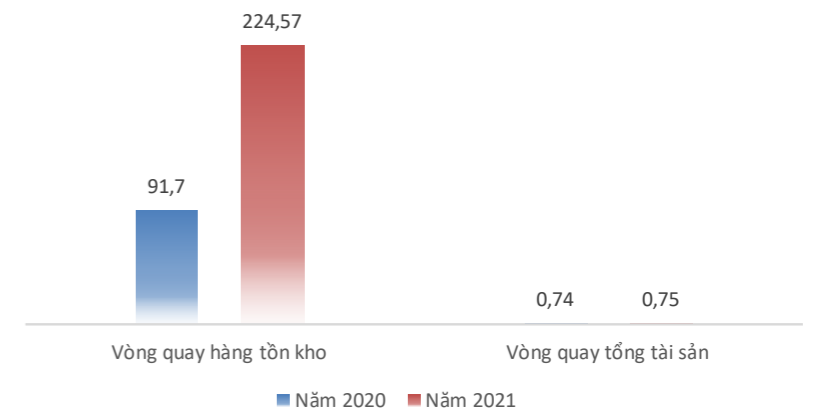
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Tính đến thời điểm cuối năm 2021, tổng nợ tăng với mức độ cao hơn mức độ tăng tổng tài sản, đồng thời vốn chủ sở hữu ghi nhận giảm so với năm 2020. Cụ thể, tổng nợ và tổng tài sản lần lượt tăng 2,33 tỷ đồng và 1,11 tỷ đồng, tương ứng tăng 10,66% và 1,16% so với năm 2020. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 2021 đạt mức 72,48 tỷ đồng, giảm 1,23 tỷ đồng, tương ứng giảm 1,66% so với năm 2020, trong đó, quỹ đầu tư phát triển tăng 801 triệu đồng và lợi nhuận chưa

phân phối giảm 2,03 tỷ đồng so với năm 2020. Theo đó, các hệ số về cơ cấu vốn năm 2021 đồng loạt tăng so với năm 2020. Cụ thể, hệ số nợ/tổng tài sản đạt 25,05%, tăng so với mức 22,90% (năm 2020) và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đạt 33,43%, tăng so với mức 29,70% (năm 2020). Mặc dù hai hệ số cơ cấu vốn đều ghi nhận tăng trong năm 2021 nhưng mức độ tăng không đáng kể, điều này cho thấy Công ty vẫn đang duy trì ổn định về cơ cấu vốn.

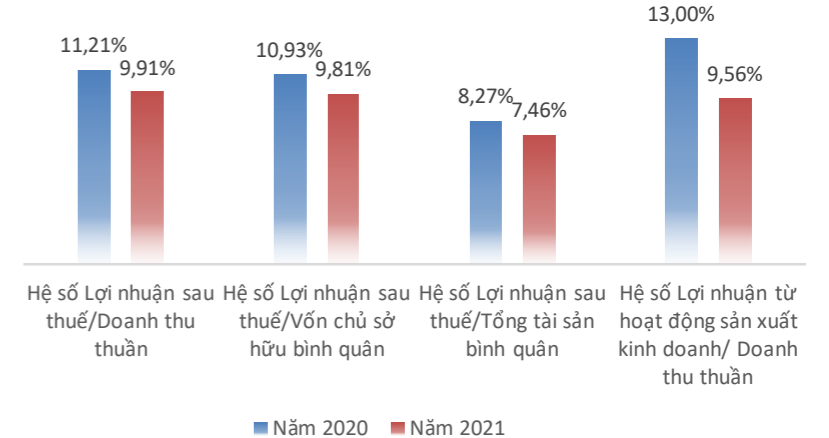
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Với đặc thù là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận chuyển nên hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là nhiên liệu như xăng, dầu. Do đó, hàng tồn kho của Công ty không chiếm quá lớn, cụ thể đạt 157 triệu đồng, giảm một nửa so với giá trị năm 2020. Bên cạnh đó, giá vốn hàng bán năm 2021 tăng 1,09 tỷ đồng, tương ứng tăng 6,59% so với năm 2020. Tuy tỷ lệ tăng của giá vốn hàng bán năm 2021 so với 2020 không cao nhưng với hàng tồn kho, giá vốn hàng bán cao hơn rất

nhiều. Theo đó dẫn đến vòng quay hàng tồn kho tăng cao trong năm 2021, cụ thể đạt 224,57 vòng, gấp hơn 2 lần so với năm 2020. Với việc vòng quay hàng tồn kho tăng cao đã cho thấy năng lực hoạt động của Công ty đang trên đà lớn mạnh hơn. Bên cạnh đó, Công ty vẫn duy trì được sự ổn định đối với vòng quay tổng tài sản với mức 0,75 vòng do tổng tài sản không thay đổi nhiều trong năm 2021.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Năm 2021, do bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ dịch bệnh Covid-19 khiến các hoạt động sản xuất kinh doanh bị “đứt gãy”. Bên cạnh đó, để hạn chế tiếp xúc dẫn đến dịch bệnh lây lan, Chính phủ đã ban hành các Chỉ thị 15, 16/ CT – TTg. Trước tình hình đó, nhu cầu đi lại của người dân tạm ngừng trong một thời gian dài dẫn đến sản lượng tiêu thụ xăng dầu giảm mạnh, đặc biệt từ tháng 07 đến tháng 10. Từ đó tác động gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, ngoài lĩnh vực chính là vận tải xăng dầu, Công ty còn cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa, nhờ vậy phần nào giúp Công ty bù đắp lại khoản doanh thu từ lĩnh vực vận tải xăng, dầu. Theo đó, doanh thu thuần năm 2021 đạt 72,34 tỷ đồng, tăng 908 triệu đồng, tương ứng tăng 1,27% so với năm 2020. Mặt khác, giá vốn hàng bán trong năm 2021 tăng 1,09 tỷ đồng, tương ứng tăng 6,59% so với năm 2020. Điều này dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm 834 triệu đồng, tương ứng giảm 10,42% so với năm 2020. Qua đó, các hệ số ROS, ROE và ROA đồng loạt giảm so với năm 2020, lần lượt đạt mức 9,91%, 9,81% và 7,46%. Tuy khả năng sinh lời giảm nhưng đây là do tình hình chung, Công ty đảm bảo sẽ phục hồi khả năng sinh lời khi xã hội trở lại bình thường, nhu cầu đi lại tăng cao.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần



Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
II	Cổ đông trong nước	4.719.950	47.199,50	100%
1	Cá nhân	2.706.712	27.067,12	57,35%
2	Tổ chức	2.013.238	20.132,38	42,65%
III	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
1	Cá nhân	0	0	0%
2	Tổ chức	0	0	0%
Tổng cộng		4.719.950	47.199,5	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	Đồng Tháp	2.407.272	51%
2	Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thành Lự	TP.HCM	235.800	5,38%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



**BÁO CÁO TÁC ĐỘNG
LIÊN QUAN ĐẾN MÔI
TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
CỦA CÔNG TY**



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành vận tải, các nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu của DOPETCO là các vật tư, thiết bị phục vụ cho việc sửa chữa các phương tiện như xà lan, tàu, thuyền... Vì vậy, Công ty luôn đảm bảo có kế hoạch xử lý và thu hồi phế liệu theo quy trình cấp phát vật tư trong những trường hợp thiết bị máy móc bị hỏng hóc, không sử dụng được nhằm đảm bảo nâng cao công tác quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu.

Ngoài ra, với đặc thù mặt hàng vận chuyển của DOPETCO là dầu, nhớt, khí hóa lỏng nên Công ty luôn chú trọng đến công tác quản lý nguồn nhiên liệu này, tránh gây rò rỉ khi đang vận chuyển, nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng có thể phát sinh gây hại đến môi trường sống xung quanh cũng như gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động trong Công ty.



Tiết kiệm năng lượng

Tiết kiệm năng lượng luôn là vấn đề được cả xã hội nói chung và DOPETCO nói riêng chú trọng nhiều nhất, vì việc sử dụng năng lượng hợp lý không những góp phần bảo vệ môi trường mà còn giúp tiết kiệm được chi phí sản xuất, đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.

Trong những năm qua, DOPETCO đã đưa ra nhiều biện pháp tiết kiệm nhiên liệu để cắt giảm chi phí, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Cụ thể, Công ty đã lựa chọn mua các phương tiện thiết bị hiện đại, tiêu hao ít nhiên liệu; đồng thời xây dựng và thực hiện triệt để quy trình khai thác tiết kiệm nhiên liệu; thường xuyên đánh giá, tổ chức kiểm tra định mức tiêu hao nhiên liệu cho từng loại phương tiện, thiết bị phù hợp với từng điều kiện hoạt động khai thác của Công ty.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

DOPETCO luôn nhận thức tốt và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước, đồng thời thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả giúp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường bằng cách xử lý nước thải theo đúng quy trình trước khi thải ra môi trường. Ngoài ra, Công ty còn liên tục cập nhật các văn bản pháp luật mới để kịp thời nắm bắt các quy định mới liên quan; vì vậy, trong những năm qua Công ty hoàn toàn tuân thủ đúng quy định của pháp luật và không vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường cũng như không phải đóng các khoản phạt nào.



Tiết kiệm nước

Ngoài việc sử dụng nước trong quá trình sản xuất kinh doanh, DOPETCO còn sử dụng phần lớn nước để cung cấp nước ngọt cho người lao động khi di chuyển trên tàu. Vì vậy, để tiết kiệm nước và hạn chế việc thải nước thải sinh hoạt gây ảnh hưởng đến môi trường Công ty đã đưa ra các quy định chặt chẽ về vấn đề sử dụng nước cũng như quy định về xử lý nước thải. Đồng thời, Công ty còn tiến hành kiểm tra định kỳ lượng nước sử dụng nhằm đưa ra giải pháp và hướng xử lý kịp thời khi lượng nước sử dụng vượt quá định mức thông thường. Bên cạnh đó, DOPETCO còn thường xuyên nhắc nhở nhân viên sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả cũng như không được xả nước thải sử dụng trực tiếp ra môi trường mà phải thông qua các bước xử lý theo đúng quy định.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (Tiếp theo)

Chính sách liên quan đến người lao động

Tổng nhân sự DOPETCO tính đến ngày 31/12/2021 là ... người với mức lương bình quân của người lao động (cả khối trực tiếp và gián tiếp) là ... đồng/người/tháng. Trong đó, số lượng nhân sự với trình độ đại học và trên đại học: ... người, cao đẳng: ... người và trình độ khác: ... người.

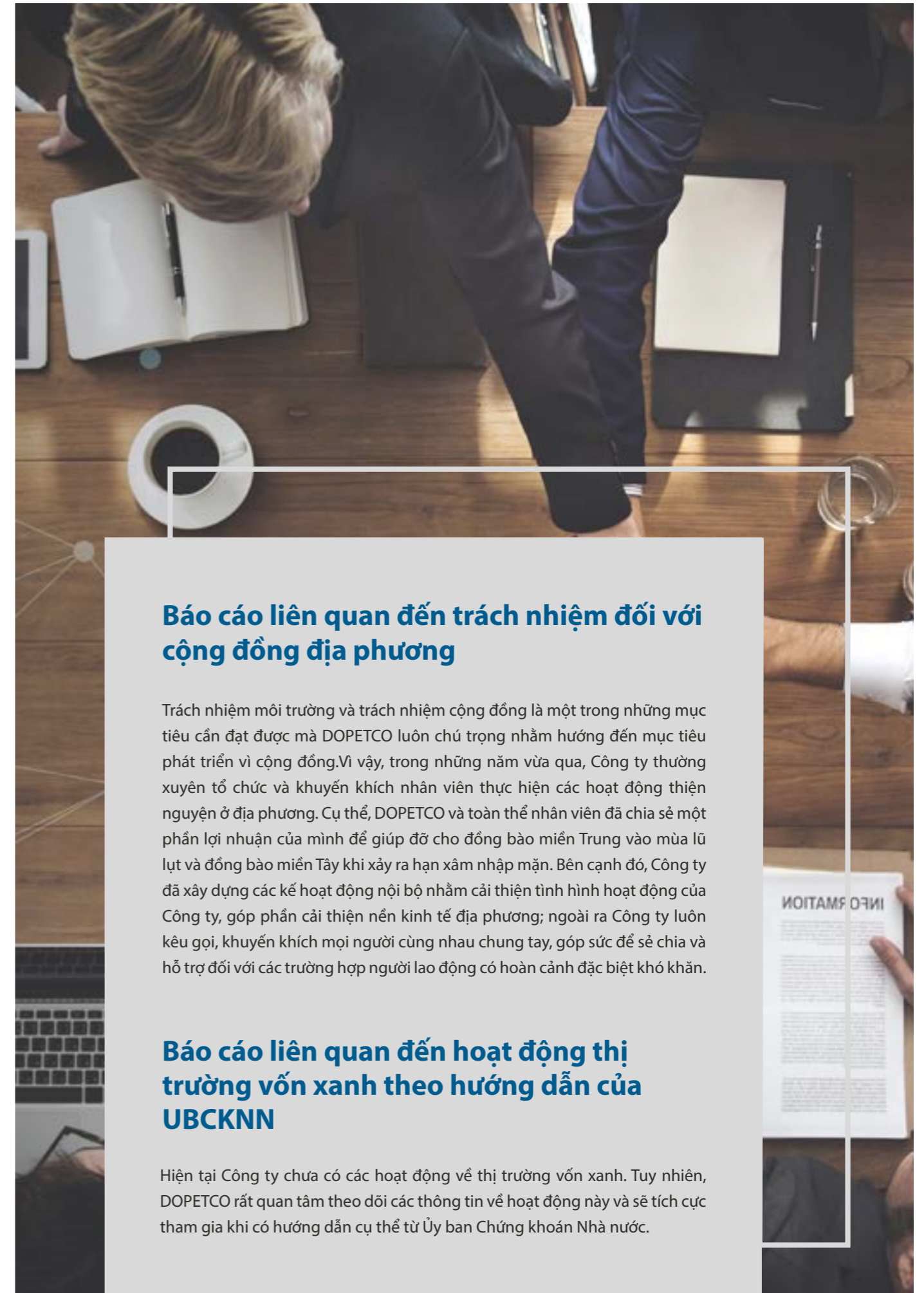
DOPETCO luôn đề cao các chính sách liên quan đến người lao động. Trong suốt những năm qua, Công ty đều trả lương cho người lao động đúng hạn, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt hay nợ lương. Ngoài ra, để đảm bảo tính công bằng thì lương của từng nhân viên đều được Công ty tính dựa theo chức danh và năng lực làm việc. Đồng thời, qua việc đánh giá hiệu quả làm việc cũng như thành tích đóng góp của mỗi cá nhân theo định kỳ mỗi năm, Công ty còn xem xét nâng lương, thưởng theo hệ số cho người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty còn đảm bảo cung cấp đầy đủ cho người lao động các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội,... tổ chức tặng quà, hỗ trợ tiền mặt cho nhân viên vào các dịp Lễ, Tết,...; đồng thời Công ty còn khuyến khích nhân viên đưa ra những ý tưởng mới,

từ đó xem xét thưởng thêm cho các cá nhân có thành tích nổi trội cũng như có sáng kiến góp phần vào quá trình phát triển bền vững của Công ty.

Ngoài những hỗ trợ về vật chất và tài chính, Công ty cũng chú trọng đến đời sống tinh thần của người lao động. Cụ thể, Công ty luôn đảm bảo mỗi nhân viên đều được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động, hơn nữa các trang thiết bị, dụng cụ luôn được cải tiến và đổi mới nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Đồng thời, môi trường làm việc tại Công ty cũng đảm bảo về chế độ an toàn, vệ sinh lao động.

Mỗi năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả người lao động, nếu phát hiện người lao động mắc bệnh nghề nghiệp hoặc mãn tính do ảnh hưởng của công việc, Công ty sẽ có trách nhiệm bố trí cho người lao động đi chữa trị. Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao và cho nhân viên tham quan du lịch để tăng mức độ gắn kết giữa lãnh đạo Công ty và các nhân viên.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm môi trường và trách nhiệm cộng đồng là một trong những mục tiêu cần đạt được mà DOPETCO luôn chú trọng nhằm hướng đến mục tiêu phát triển vì cộng đồng. Vì vậy, trong những năm vừa qua, Công ty thường xuyên tổ chức và khuyến khích nhân viên thực hiện các hoạt động thiện nguyện ở địa phương. Cụ thể, DOPETCO và toàn thể nhân viên đã chia sẻ một phần lợi nhuận của mình để giúp đỡ cho đồng bào miền Trung vào mùa lũ lụt và đồng bào miền Tây khi xảy ra hạn xâm nhập mặn. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng các kế hoạch nội bộ nhằm cải thiện tình hình hoạt động của Công ty, góp phần cải thiện nền kinh tế địa phương; ngoài ra Công ty luôn kêu gọi, khuyến khích mọi người cùng nhau chung tay, góp sức để sẻ chia và hỗ trợ đối với các trường hợp người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động về thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, DOPETCO rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 01. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 02. Tình hình tài chính**
- 03. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- 04. Kế hoạch phát triển trong tương lai**



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

Trong năm 2021, do sự ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 khiến cho hàng loạt doanh nghiệp xuất nhập khẩu phải đối mặt với nhiều thiệt thòi lớn, đặc biệt đối với ngành vận tải xăng dầu đường biển. Tuy nhiên, Ban điều hành của Công ty đã nỗ lực làm việc cũng như đã có những quyết định quản lý linh hoạt, kịp thời; vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhìn chung được đảm bảo ổn định và duy trì được thị phần.

Thuận lợi:

DOPETCO là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải xăng dầu trong nhiều năm nên Công ty đã tạo được danh tiếng cũng như có được sự tin nhiệm của khách hàng. Bên cạnh đó, DOPETCO còn cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng ổn định với mức giá hợp lý; do đó Công ty đã mở rộng được thị phần khách hàng cũng như khai thác thêm được nhiều nguồn khách hàng mới, đồng thời Công ty còn khẳng định được vị thế của mình trong ngành từ địa bàn miền Đông đến miền Tây Nam bộ và qua cả Campuchia

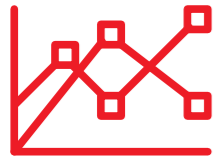
Công ty sở hữu đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có ý thức và trách nhiệm hoàn thành công việc một cách hiệu quả và nhanh chóng nhất trong mọi nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, những người lao động trong Công ty luôn làm việc dưới tinh thần đoàn kết, cùng nhau quyết tâm hoàn thành công việc, góp phần giúp Công ty vượt qua khó khăn để phát triển bền vững.

Khó khăn:

Trong năm vừa qua, giá xăng dầu trên thị trường có nhiều biến động khá lớn gây ảnh hưởng làm tăng chi phí đầu vào đối với Công ty, đồng thời hàng hóa chủ yếu không chính thức nhiều làm cho các đơn hàng vận chuyển cũng như khối lượng vận chuyển ít hơn gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Tiêu chuẩn ngành áp dụng cho ngành vận tải xăng dầu bằng đường thủy nội địa ngày càng khắc khe khi Nhà nước ban hành một số quyết định thay đổi các tiêu chuẩn về kĩ thuật trong ngành đòi hỏi Công ty phải cập nhật thường xuyên để tiến hành điều chỉnh, bổ sung sao cho phù hợp và kịp thời.

Với tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra rất phức tạp trong nước và tại Campuchia cũng đã khiến cho nhu cầu vận chuyển giảm mạnh trong khi số lượng tàu của Công ty lại dồi dào dẫn đến việc sử dụng tài sản không hiệu quả, gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra, mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp vận chuyển đường thủy hiện nay ngày càng gay gắt, cùng với sự xuất hiện của hàng loạt dịch vụ vận chuyển với giá thấp làm cho nhiều khách hàng chuyển đổi phương thức vận tải; hơn nữa các chủ hàng ngày nay có xu hướng thay đổi chiến lược trong hoạt động thương mại của họ, cụ thể việc tập trung giao nhận hàng tại các kho đầu mối được ưu tiên hơn và hạn chế vận chuyển hàng qua các kho trung gian đã gây ảnh hưởng đến thị phần khách hàng của Công ty.



Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Hệ thống quy chế quản trị, quản lý nội bộ, điều lệ tổ chức hoạt động ngày càng được hoàn thiện hơn, từ đó tạo nên nền tảng để tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng mục tiêu đã đặt ra. Công ty có sự phân chia rõ ràng về mục đích, chức năng theo đúng chuyên môn và nghiệp vụ từng phòng ban. Qua mỗi năm, Công ty đánh giá được sự tiến bộ của các phòng ban. Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt của Công ty, ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển của Công ty. Do vậy, công tác quản lý nhân lực luôn được Ban Lãnh đạo Công ty đặt lên hàng đầu. Công ty ưu tiên lựa chọn những lao động vừa tạo ra năng suất cao vừa đảm bảo được chất lượng công việc. Khối nhân sự của Công ty được phân công công việc theo đúng mục đích, khả năng và chuyên môn, hạn chế tình trạng lao động nhàn rỗi dẫn đến tổn hao chi phí quản lý Công ty. Để tạo ra động lực thúc đẩy người lao động tích cực làm việc, cống hiến cho Công ty, DOPETCO thực hiện các chính sách khen thưởng, tuyên dương đối với mỗi cá nhân, tập thể phòng ban có thành tích cao. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo điều kiện gắn kết các nhân viên, phòng ban với nhau, tạo nên môi trường làm việc thoải mái, gắn gũi trên tinh thần đoàn kết cho đội ngũ lao động.



Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

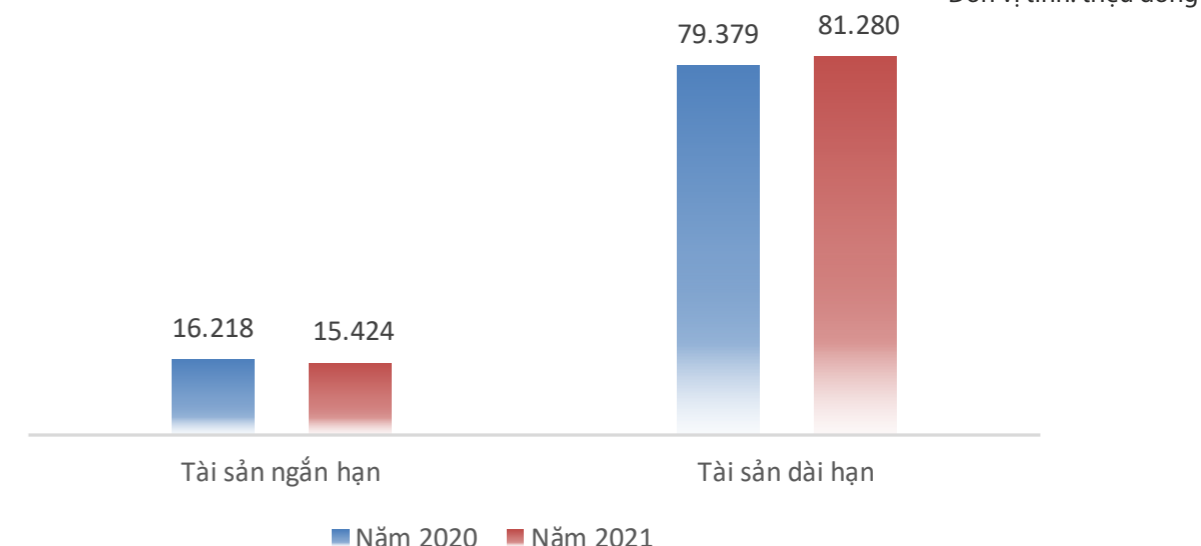
Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	16.217	16,96%	15.424	15,95%	-794	-4,89%
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.256	13,91%	2.159	14,00%	-97	-4,30%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0%	0	0%	-	0%
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.972	49,16%	5.623	36,46%	-2.349	-29,47%
Hàng tồn kho	157	0,97%	0	0%	-158	-100,00%
Tài sản ngắn hạn khác	5.831	35,96%	7.642	49,55%	+ 1.810	+31,04%
Tài sản dài hạn	79.378	83,04%	81.280	84,05%	+1.901	+2,40%
Các khoản phải thu dài hạn	0	0%	0	0%	-	0%
Tài sản cố định	65.824	82,92%	68.243	83,96%	+2.419	+3,67%
Bất động sản đầu tư	0	0%	0	0%	-	0%
Tài sản dở dang dài hạn	460	0,58%	0	0%	-461	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	8.759	11,04%	8.760	10,78%	0	0%
Tài sản dài hạn khác	4.333	5,46%	4.277	5,26%	+57	-1,31%
Tổng tài sản	95.596	100%	96.704	100%	+1.107	+1,16%

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.216	1.050	47,38%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	127.148	66.827	52,56%
Cộng	129.364	67.877	52,47%
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	366	366	100%
Cộng	366	366	100%

Cơ cấu tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng



Trong năm 2021, Công ty vẫn duy trì ổn định về cơ cấu tài sản. Cụ thể, tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt mức 84,05%, còn lại tài sản ngắn hạn chiếm 15,95% trong cơ cấu tài sản của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2021, giá trị tổng tài sản của Công ty đạt 96,7 tỷ đồng, tăng hơn 1 tỷ đồng so với năm 2020. Giá trị tài sản ngắn hạn của Công ty trong năm 2021 đạt 15 tỷ đồng giảm 4,89% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do sự sụt giảm đối với khoản trả trước cho người bán. Cụ thể, Công ty thực hiện trả trước đối với Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ STD&T tổng giá trị phát sinh là 40,802 triệu đồng và 20 triệu đồng đối với các nhà cung cấp khác. Bên cạnh đó, Doanh nghiệp Tư

nhân Tư Lai cũng hoàn thành hợp đồng đối với Công ty Cổ phần Vận tải Xăng Dầu Đồng Tháp.

Với đặc thù của lĩnh vực hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng Dầu Đồng Tháp có tỷ trọng tài sản dài hạn rất lớn, cụ thể là tài sản cố định của Công ty chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản với 83,96%. Trong năm 2021, Công ty đã hoàn thành cải hoán tàu ĐT 11 khiến giá trị phương tiện vận tải tăng lên 10,156 tỷ đồng trong năm, qua đó đã làm tài sản cố định của Công ty trong năm 2021 tăng hơn 2 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 2,53%. Đây là nguyên nhân khiến cho tài sản dài hạn của Công ty trong năm 2021 đạt 2 tỷ đồng, ghi nhận tăng 2,40% so với năm trước đó.



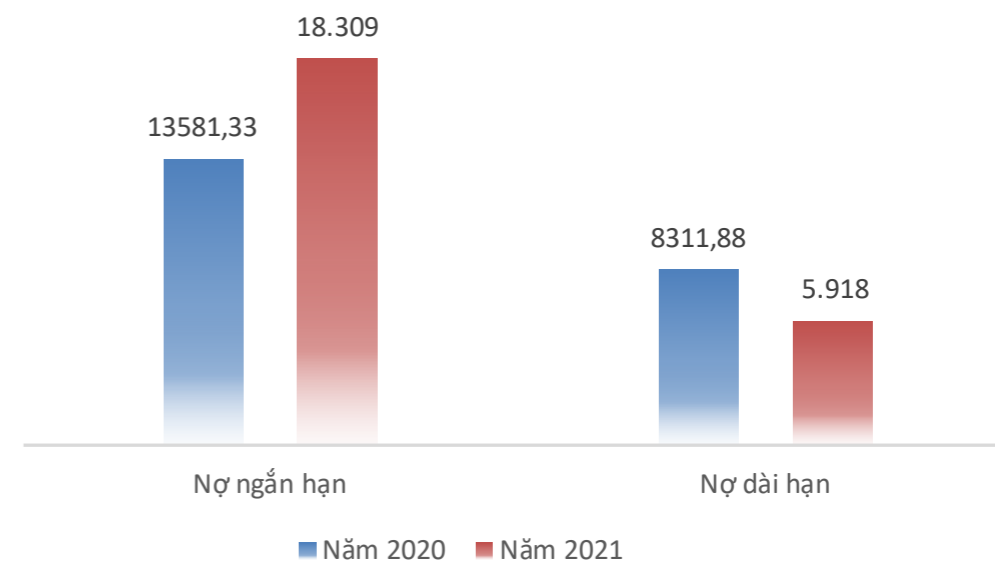
Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Nợ ngắn hạn	13.581	62,03%	18.309	75,57%	+4.727	+34,81%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.142	8,42%	2.572	14,05%	+1.428	+125,00%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.983	14,60%	4	0,02%	-1.979	-99,80%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.319	9,72%	414	2,26%	-906	-68,65%
Phải trả người lao động	2.423	17,85%	1.008	5,50%	-1.416	-58,43%
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.006	7,41%	1.717	9,38%	+710	+70,63%
Phải trả ngắn hạn khác	732	5,39%	5.969	32,60%	+5.236	+715,25%
Vay nợ và thuê tài chính ngắn hạn	3.882	28,59%	5.257	28,71%	+1.374	+35,39%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.090	8,03%	1.370	7,48%	+279	+25,61%
Nợ dài hạn	8.311	37,97%	5.918	24,43%	-2.394	-28,80%
Vay nợ và thuê tài chính dài hạn	8.311	100%	5.918	100%	-2.394	-28,80%
Tổng nợ phải trả	21.893	100%	24.227	100%	+2.333	+10,66%

Cơ cấu nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng



Trong năm 2021, tổng nợ của Công ty tăng hơn 2 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 10,66%. Cơ cấu nợ phải trả của Công ty vẫn không có sự thay đổi so với cùng kỳ năm ngoái với phần lớn nợ phải trả đến từ khoản mục nợ ngắn hạn (chiếm 75,57% trong cơ cấu nợ phải trả).

Tính đến thời điểm 31/12/2021, nợ ngắn hạn của doanh nghiệp ghi nhận tăng gần 5 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 34,81%. Nguyên nhân là do sự gia tăng trong các khoản phải trả ngắn hạn khác và khoản vay nợ và thuê tài chính ngắn hạn. Cụ thể, trong năm 2021, Công ty đã phát sinh khoản vay đối với ngân hàng BIDV – chi nhánh Đồng Tháp với tổng giá trị khoản vay 4 tỷ

đồng với mục đích đầu tư đóng tàu; bên cạnh đó, Công ty thực hiện việc kết chuyển các khoản vay dài hạn vào các khoản vay ngắn hạn là nguyên nhân khiến cho vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng và chỉ số thể hiện khoản vay dài hạn giảm. Ngoài ra, Công ty phát sinh nợ đối với các khoản chi phí phải trả khác với tổng giá trị là 5 tỷ đồng tương ứng với mức tăng trong năm 2021 là 715,25%.

Nợ dài hạn của Công ty giảm 2,4 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 28,80. Nguyên nhân là do trong năm Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán khoản nợ đến kỳ hạn đối với các ngân hàng VietinBank, MBBank và BIDV.



Năm qua Công ty vẫn tiếp tục duy trì về cơ cấu tổ chức. Đồng thời, các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban lãnh đạo.



Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2021	KH năm 2022	%KH 2022/TH 2021
1	Doanh thu vận chuyển xăng dầu trong nước	12.330	16.000	130%
2	Doanh thu vận chuyển xăng dầu tái xuất	60.000	57.000	95%
3	Doanh thu khác	1.430	1.000	70%
Tổng cộng		73.760	74.000	100%

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021, đơn vị kiểm toán Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Kiểm Toán AFC Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 01. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**
- 02. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**
- 03. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2021, DOPETCO phải đối mặt với nhiều khó khăn, điển hình là tác động của dịch Covid-19 và sự cạnh tranh gay gắt trong ngành vận tải xăng dầu đường biển đã ảnh hưởng phần nào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đã ghi nhận được sự nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể người lao động của DOPETCO đã cùng nhau cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đã đề ra và mang lại lợi ích cho cổ đông. Đồng thời, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin; tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Bên cạnh việc tập trung vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường. Cụ thể, trong năm DOPETCO đã chú ý xử lý; đầu tư mua các phương tiện thiết bị hiện đại, tiêu hao ít nhiên liệu, xây dựng và thực hiện triệt để quy trình khai thác tiết kiệm nhiên liệu; đảm bảo kế hoạch xử lý và thu hồi phế liệu theo quy trình,... Công ty luôn cố gắng hạn chế tối đa những ảnh hưởng có thể phát sinh gây hại đến môi trường sống xung quanh cũng như gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động trong Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng đã luôn thể hiện trách nhiệm cao đối với cộng đồng thông qua các hoạt động vì môi trường, cộng đồng và xã hội.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã tham gia các cuộc họp thường niên cùng với Ban Giám đốc và cán bộ chủ chốt của Công ty để tích cực bám sát và chỉ đạo đối với mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty, đảm bảo tại DOPETCO luôn thể hiện được tinh thần đoàn kết, tập trung và dân chủ. Đồng thời, Hội đồng quản trị còn phối hợp với Ban kiểm soát để thường xuyên theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc của Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt các công việc kiểm tra giám sát, qua đó đưa ra các đánh giá như sau:

- ✓ Ban Giám đốc đã hoạt động liên tục, hiệu quả và có những quyết định đúng đắn trong việc tìm thêm thị trường mới, tăng cường nguồn doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ✓ Ban Điều hành đã luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong suốt quá trình hoạt động.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DOPETCO tiếp tục đẩy mạnh chính sách xây dựng đội ngũ thuyền viên ổn định về số lượng, tốt về chất lượng nên sẽ có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo để phù hợp với thực tiễn sản xuất; đồng thời Công ty sẽ tập trung nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, sự tuân thủ quy định của các Bộ Luật, Công ước và nội quy của Công ty để vận hành con tàu một cách an toàn và hiệu quả. Cụ thể, phương hướng hoạt động chính của Công ty trong năm 2022 được Hội đồng quản trị xác định như sau:

- ✓ Tăng cường công tác bảo quản, bảo dưỡng để giảm thiểu các hư hỏng đột xuất đối với các tàu, đặc biệt là các tàu lớn, hoạt động trên tuyến xa và cho thuê định kỳ có thời hạn.
- ✓ Rà soát lại định mức tiêu thụ nhiên liệu, vật tư đối với tất cả các tàu, kiểm soát chặt chẽ tốc độ chạy tàu nhằm tránh thất thoát về nhiên liệu.
- ✓ Quan tâm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập của người lao động trong Công ty.
- ✓ Tổ chức các phiên họp định kỳ để phân tích các báo cáo, giải quyết kiến nghị của Ban Giám đốc, thảo luận thông qua các phương án, dự án và các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

01. Hội đồng quản trị
02. Ban kiểm soát
03. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch HĐQT	654	0,01%
2	Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên HĐQT	23.018	0,49%
3	Huỳnh Văn Thành	Thành viên HĐQT	0	0,00%
4	Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HĐQT	127.440	2,70%
5	Thái Văn Liêm	Thành viên HĐQT	0	0,00%

Lý lịch Hội đồng quản trị

Bà Dương Thị Mai Hưng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1977
Nơi sinh: Đồng Tháp
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại thương

- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 654 cổ phiếu, tương đương 0,01% vốn điều lệ (1.444.364 cổ phiếu đại diện sở hữu)
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

Ông Huỳnh Văn Thành - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1960
Nơi sinh: Tiền Giang
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thuyền trưởng hạng I

- **Quá trình công tác:**
 04/2005 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vận tải Thành Lược
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phiếu (258.497 cổ phiếu đại diện sở hữu)
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

Ông Nguyễn Đức Vượng - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1953
Nơi sinh: Ninh Bình
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kinh doanh xăng dầu

- **Quá trình công tác:**
 04/2005 – 03/2008: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp.
 05/2008 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp.
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 3.646 cổ phiếu, tương đương 0,08% vốn điều lệ
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

Bà Dương Thị Mai Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1977
Nơi sinh: Đồng Tháp
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại thương

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị trong năm 2021

Bổ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Thái Văn Liêm vào ngày 29/06/2021.

Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Ngọc Thới vào ngày 29/06/2021.

Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với bà Ngô Thị Xuân Nữ vào ngày 29/06/2021.

Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Mai An Mỹ vào ngày 29/06/2021.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty hiện không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.


Hoạt động của Hội đồng quản trị
Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp thường niên và bất thường cũng như đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị luôn tích cực theo dõi, giám sát thường xuyên hoạt động kinh doanh của đơn vị và luôn đề ra những chủ trương tháo gỡ khó khăn kịp thời và định hướng giúp Ban điều hành đạt được kết quả tốt trong năm tài chính vừa qua.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
3	Huỳnh Văn Thành	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
4	Thái Văn Liêm	Thành viên HĐQT	2/4	50%	
5	Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HĐQT	3/4	75%	Bận việc riêng
6	Nguyễn Ngọc Thới	Thành viên HĐQT	2/4	50%	Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2021
7	Ngô Thị Xuân Nữ	Thành viên HĐQT	2/4	50%	Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2021
8	Mai An Mỹ	Thành viên HĐQT	2/4	50%	Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2021

Các Nghị quyết/Quyết định

Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2021/HĐQT-DOP	12/04/2021	Tạm hoãn tổ chức Đại hội đồng cổ đông
2	02/2021/HĐQT-DOP	07/05/2021	Thông qua các nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
3	03/2021/HĐQT-DOP	04/08/2021	Thống nhất Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty
4	04/2021/HĐQT-DOP	31/12/2021	Thống nhất miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty của ông Mai An Mỹ

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

Thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Ngọc Phú Nhơn	Trưởng BKS	0	0%
2	Phan Hoàng Ngọc Minh	Thành viên BKS	0	0%

Lý lịch Ban kiểm soát

Ông **Đặng Ngọc Phú Nhơn** - Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1988
Nơi sinh: Đồng Tháp
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

Bà **Phan Hoàng Ngọc Minh** - Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhân viên Phòng kế hoạch - Kỹ thuật

Năm sinh: 1994
Nơi sinh: Đồng Tháp
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế thương mại

- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vận tải Thành Lược
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phiếu
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

Hoạt động của Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

Trong năm tài chính 2021, Ban kiểm soát thực hiện tổ chức các hoạt động kiểm soát theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; đồng thời tập trung kiểm soát Báo cáo tài chính theo định kỳ, giám sát mua sắm tài sản, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, đảm bảo an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy.

Bên cạnh đó, Ban kiểm soát còn phối hợp với Ban điều hành thực hiện tốt các quy định của pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như kiểm soát các công tác kế toán, đảm bảo tính trung thực khi lập Báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Đặng Ngọc Phú Nhơn	Trưởng BKS	3/3	100%
2	Phan Hoàng Ngọc Minh	Thành viên BKS	3/3	100%





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao
Hội đồng quản trị				
1	Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	3.000.000
2	Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên HĐQT	24.000.000	2.000.000
3	Huỳnh Văn Thành	Thành viên HĐQT	24.000.000	2.000.000
4	Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HĐQT	24.000.000	2.000.000
5	Thái Văn Liêm	Thành viên HĐQT	24.000.000	2.000.000
Ban kiểm soát				
1	Đặng Ngọc Phú Nhơn	Trưởng BKS	120.000.000	10.000.000
2	Phan Hoàng Ngọc Minh	Thành viên BKS	18.000.000	1.500.000
Ban điều hành				
1	Nguyễn Hoàng Quân	Tổng Giám đốc	432.000.000	...
2	Mai An Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	247.000.000	...
3	Lê Thị Thanh	Kế toán trưởng	228.000.000	...

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Địa chỉ	Nội dung
1	Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Tháp	Công ty mẹ	140 quốc lộ 30, P. Mỹ Phú, Cao Lãnh, Đồng Tháp	Sản lượng nội địa: 110.576.176 lít Sản lượng tái xuất: 2.705.415 lít Tổng doanh thu: 8.525.791.384 đồng

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, DOPETCO đã nghiêm túc tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty; các thủ tục, quy trình Công ty thực hiện đều bám sát dựa trên Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty nhằm phát huy được văn hóa doanh nghiệp, khẳng định sự tồn tại và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường. Ngoài ra, Ban lãnh đạo của DOPETCO luôn đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả, đề cao tính minh bạch, công bằng đối với các cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên; hướng tới lợi ích chung cho các bên liên quan và đặc biệt là các cổ đông.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú ý đến việc nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ lãnh đạo thông qua việc cử nhân sự tham dự các chương trình đào tạo ngắn hạn thuộc lĩnh vực liên quan nhằm đáp ứng được chuyên môn cũng như cập nhật kiến thức mới tạo nền tảng quan trọng, góp phần nâng cao năng lực quản trị Công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 01. Ý kiến kiểm toán**
- 02. Báo cáo tài chính đã kiểm toán**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 33

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5103000024 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27 tháng 10 năm 2004 và đã thay đổi lần gần nhất là lần thứ 9 ngày 14 tháng 09 năm 2019.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: 215 - 217 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
 - Điện thoại: 0277 3 877 012
 - Fax: 0277 3 877 029
 - Mã Chứng khoán: DOP
 - Mã số thuế: 1400475345

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển.

2. Các Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Bà Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch	25/04/2019	
Bà Ngô Thị Xuân Nữ	Thành viên	25/04/2019	29/06/2021
Ông Huỳnh Văn Thành	Thành viên	25/04/2019	
Ông Nguyễn Ngọc Thới	Thành viên	25/04/2019	29/06/2021
Ông Nguyễn Đức Vượng	Thành viên	25/04/2019	
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên	25/04/2019	
Ông Mai An Mỹ	Thành viên	25/04/2019	29/06/2021
Ông Thái Văn Liêm	Thành viên	29/06/2021	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Đặng Ngọc Phú Nhơn	Trưởng ban	25/04/2019
Bà Phan Hoàng Ngọc Minh	Thành viên	25/04/2019

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc
Ông Mai An Mỹ	Phó Giám đốc

Đại diện pháp luật

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



DƯƠNG THỊ MAI HUNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2022



Số: 028/2022/BCKT-CT.00025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 4 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

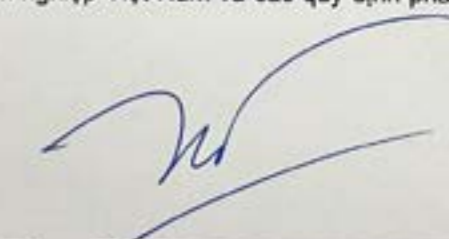
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ
Thành phố Cần Thơ, ngày 25 tháng 03 năm 2022



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Địa chỉ: 215 - 217 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.423.763.094	16.217.763.215
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.158.492.493	2.255.997.355
Tiền	111		2.158.492.493	2.255.997.355
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.623.368.197	7.972.355.489
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.094.103.371	3.206.244.523
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	60.802.300	2.329.250.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.766.302.726	2.724.701.166
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(287.840.200)	(287.840.200)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	-	157.684.199
Hàng tồn kho	141		-	157.684.199
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.641.902.404	5.831.726.172
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.641.902.404	5.736.735.952
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	-	94.990.220
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Địa chỉ: 215 - 217 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.279.901.887	79.378.739.132
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		68.243.429.121	65.824.420.199
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	67.877.429.121	65.458.420.199
Nguyên giá	222		129.364.377.730	120.349.473.001
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.486.948.609)	(54.891.052.802)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	366.000.000	366.000.000
Nguyên giá	228		366.000.000	366.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	460.613.000
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	-	460.613.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	8.759.976.460	8.759.976.460
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.805.976.460	15.805.976.460
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.046.000.000)	(7.046.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		4.276.496.306	4.333.729.473
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	4.276.496.306	4.333.729.473
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		96.703.664.981	95.596.502.347

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Địa chỉ: 215 - 217 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		24.226.940.758	21.893.205.014
Nợ ngắn hạn	310		18.309.075.360	13.581.329.002
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	2.571.654.342	1.142.956.700
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	3.955.995	1.983.250.459
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	413.690.868	1.319.745.878
Phải trả người lao động	314		1.007.640.841	2.423.883.737
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.716.723.024	1.006.123.024
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	5.968.760.280	732.138.137
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	5.256.755.712	3.882.638.064
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	1.369.894.298	1.090.593.003
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		5.917.865.398	8.311.876.012
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	5.917.865.398	8.311.876.012
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Địa chỉ: 215 - 217 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.476.724.223	73.703.297.333
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	72.476.724.223	73.703.297.333
Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.199.500.000	47.199.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.199.500.000	47.199.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.412.000	4.412.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		15.616.685.873	14.816.051.676
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		735.528.390	735.528.390
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.920.597.960	10.947.805.267
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.664.294.775	2.941.463.298
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.256.303.185	8.006.341.969
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		96.703.664.981	95.596.502.347

Cat

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: 215 - 217 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	72.339.749.324	71.432.148.494
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		72.339.749.324	71.432.148.494
Giá vốn hàng bán	11	6.2	17.705.392.011	16.611.366.820
Lợi nhuận gộp	20		54.634.357.313	54.820.781.674
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	296.575.713	63.972.366
Chi phí tài chính	22	6.4	1.420.684.718	1.500.907.473
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.283.617.574	1.355.732.930
Chi phí bán hàng	25	6.5	37.897.747.185	35.335.469.636
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	8.694.772.647	8.758.676.655
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.917.728.476	9.289.700.276
Thu nhập khác	31	6.7	1.417.272.727	257.397.768
Chi phí khác	32		-	138.703.810
Lợi nhuận khác	40		1.417.272.727	118.693.958
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.335.001.203	9.408.394.234
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	1.162.698.018	1.402.052.265
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.172.303.185	8.006.341.969
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.520	1.442

Clal



NGUYỄN HOÀNG QUẢN

Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2022

LÊ THỊ THANH

Kế toán trưởng/ Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: 215 - 217 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		8.335.001.203	9.408.394.234
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		7.737.150.807	7.812.677.565
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(68.869.712)	(54.437.824)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.580.266.600)	(3.027.650)
Chi phí lãi vay	06		1.283.617.574	1.355.732.930
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.706.633.272	18.519.339.255
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		538.811.060	(3.672.016.247)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		157.684.199	46.946.868
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.436.357.848)	968.027.353
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		57.233.167	(1.189.007.354)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.283.617.574)	(1.355.732.930)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.219.745.878)	(2.143.474.954)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(921.650.000)	(540.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.598.990.398	10.633.781.991
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(9.377.981.829)	(460.613.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		1.654.446.925	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		162.993.873	3.027.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.560.541.031)	(457.585.350)

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	4.000.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(5.019.892.966)	(3.882.638.064)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.184.930.975)	(6.555.525.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.204.823.941)	(10.438.163.464)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(166.374.574)	(261.966.823)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.255.997.355	2.463.526.354
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		68.869.712	54.437.824
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	2.158.492.493	2.255.997.355



Clal

LÊ THỊ THANH
 Kế toán trưởng/ Người lập biểu

NGUYỄN HOÀNG QUẢN
 Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là Công ty Cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Mua bán xăng dầu, nhớt.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 103 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 105 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí bảo hiểm

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 36 tháng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 25
Phương tiện vận tải	10 - 15

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số tiền thực tế góp vốn của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

4.16 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong năm, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương vào chi phí là: 17,5% và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là: 2%.

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trừ về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp	Cùng tập đoàn
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	354.451.135		306.385.884	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn				
- VND	1.307.894.297		889.149.868	
- USD	496.147.061		1.060.461.603	
	2.158.492.493		2.255.997.355	

(*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
USD	21.791,33	496.147.061

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	44.661.521		2.326.851.162	
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp	262.897.703		314.061.112	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>				
Kho BVM Campuchia	615.690.548		-	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Song Mã	550.000.000		-	
Công ty TNHH Thương mại XNK Xăng Dầu Savimex	595.609.290		-	
Các khách hàng khác	1.025.244.309		565.332.249	
	3.094.103.371		3.206.244.523	

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>				
Doanh Nghiệp Tư Nhân Tư Lai	-		2.000.000.000	
Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ STD&T	40.802.300		-	
Các nhà cung cấp khác	20.000.000		329.250.000	
	60.802.300		2.329.250.000	

5.4 Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Phải thu về tạm ứng	2.754.360.726	-	2.704.595.726	-
Phải thu khác	1.942.000	-	20.105.440	-
	2.756.302.726		2.724.701.166	

5.5 Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên				
Ông Huỳnh Thanh Phương	13.860.000	-	13.860.000	-
Ông Lý Văn Danh	133.363.000	-	133.363.000	-
Ông Nguyễn Công Minh	86.223.200	-	86.223.200	-
Ông Nguyễn Văn Lon	54.394.000	-	54.394.000	-
	287.840.200		287.840.200	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Trả trước cho người bán	Cộng
Tại ngày 01/01/2021	(287.840.200)	-	(287.840.200)
Tại ngày 31/12/2021	(287.840.200)	-	(287.840.200)

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	-	-	157.684.199	-
			157.684.199	

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí bảo hiểm	159.844.170	-
Chi phí sửa chữa tàu	4.116.652.136	4.333.729.473
	4.276.496.306	4.333.729.473

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2021	2.215.883.025	118.133.589.976	120.349.473.001
Tăng từ xây dựng cơ bản	-	10.156.159.729	10.156.159.729
Thanh lý	-	(1.141.255.000)	(1.141.255.000)
Vào ngày 31/12/2021	2.215.883.025	127.148.494.705	129.364.377.730
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2021	1.085.604.337	53.805.448.465	54.891.052.802
Khấu hao trong năm	80.290.560	7.656.860.247	7.737.150.807
Thanh lý	-	(1.141.255.000)	(1.141.255.000)
Vào ngày 31/12/2021	1.165.894.897	60.321.053.712	61.486.948.609
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2021	1.130.278.688	64.328.141.511	65.458.420.199
Vào ngày 31/12/2021	1.049.988.128	66.827.440.993	67.877.429.121
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Vào ngày 01/01/2021	208.619.083	4.819.242.350	5.027.861.433
Vào ngày 31/12/2021	208.619.083	5.678.702.350	5.887.321.433
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp cho các khoản vay			
Vào ngày 01/01/2021	-	31.369.735.509	31.369.735.509
Vào ngày 31/12/2021	-	43.013.210.197	43.013.210.197

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Vào ngày 01/01/2021	366.000.000	366.000.000
Vào ngày 31/12/2021	366.000.000	366.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 01/01/2021	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Vào ngày 31/12/2021	-	-
Giá trị còn lại		
Vào ngày 01/01/2021	366.000.000	366.000.000
Vào ngày 31/12/2021	366.000.000	366.000.000

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2021	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng tài sản trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Chi phí hoàn cải tạo ĐT 11	460.613.000	9.695.546.729	(10.156.159.729)	-
	460.613.000	9.695.546.729	(10.156.159.729)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Địa chỉ: 215 - 217 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí MeKong	7.046.000.000	(7.046.000.000)	7.046.000.000	(7.046.000.000)
Công ty CP BMC Đồng Tháp	2.626.576.460	-	2.626.576.460	-
Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty CP Vận Tải Biển Khai Nguyên	5.833.400.000	-	5.833.400.000	-
	15.805.976.460	(7.046.000.000)	15.805.976.460	(7.046.000.000)

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

- Công ty CP Vận Tải Dầu Khí MeKong: Công ty sở hữu 704.600 cổ phần.
- Công ty CP BMC Đồng Tháp: Công ty sở hữu 253.149 cổ phần.
- Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà: Công ty sở hữu 30.000 cổ phần.
- Công ty CP Vận Tải Biển Khai Nguyên: Công ty sở hữu 579.175 cổ phần.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	228.000.000	79.800.000
Công Ty CP Nhiên Liệu Đồng Tháp	1.311.118.930	760.500.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Bảo Việt Đồng Tháp	460.532.699	113.084.600
Các đối tượng khác	572.002.713	189.572.100
	2.571.654.342	1.142.956.700

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Trả trước của các tổ chức, cá nhân khác</i>		
Công ty TNHH Thương Mại XNK xăng dầu Savimex	-	1.500.993.650
Kho BVM Campuchia	-	440.376.793
Các khách hàng khác	3.955.995	41.880.016
	3.955.995	1.983.250.459

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021		Số phát sinh trong năm		31/12/2021
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.319.745.878	1.162.698.018	(2.219.745.878)	262.698.018
Thuế thu nhập cá nhân	(94.990.220)	-	301.773.075	(55.790.005)	150.992.850
	(94.990.220)	1.319.745.878	1.464.471.093	(2.275.535.883)	413.690.868

Thuế giá trị gia tăng:
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng theo từng lĩnh vực theo qui định thuế suất thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:
Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.335.001.203	9.408.394.234
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế		
- Các khoản điều chỉnh tăng	132.000.000	270.703.810
- Các khoản điều chỉnh giảm	(162.015.360)	(252.341.768)
Thu nhập chịu thuế	8.304.985.843	9.426.756.276
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.660.997.169	1.885.351.255
Thuế suất thuế TNDN được miễn giảm 30% theo Nghị Định chính phủ	30%	30%
Thuế TNDN được miễn giảm	(498.299.151)	(565.605.377)
Thuế TNDN truy thu các năm trước	-	82.306.387
Tổng thuế TNDN phải nộp	1.162.698.018	1.402.052.265

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trích trước chi phí kinh doanh	1.716.723.024	1.006.123.024
	1.716.723.024	1.006.123.024

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp - Phải trả cổ tức	3.610.908.000	-
Tiền thưởng HĐQT, BKS, BDH	118.000.000	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>		
Kinh phí công đoàn	150.000	-
Tiền thu hộ bảo hiểm hàng hóa phải trả	1.106.609.105	732.138.137
Cổ tức phải trả	1.133.093.175	-
	5.968.760.280	732.138.137

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>				
Vietinbank - Chi nhánh Đồng Tháp	2.275.862.064	2.275.862.064	2.275.862.064	2.275.862.064
MBBank - Chi nhánh Đồng Tháp	1.606.776.000	1.606.776.000	1.606.776.000	1.606.776.000
BIDV - Chi nhánh Đồng Tháp	1.374.117.648	1.374.117.648	-	-
	5.256.755.712	5.256.755.712	3.882.638.064	3.882.638.064

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2021	Số tiền vay đã trả trong năm VND	Kết Chuyển từ vay dài hạn VND	31/12/2021 VND
Vietinbank - Chi nhánh Đồng Tháp	2.275.862.064	(2.275.862.064)	2.275.862.064	2.275.862.064
MBBank - Chi nhánh Đồng Tháp	1.606.776.000	(1.606.776.000)	1.606.776.000	1.606.776.000
BIDV - Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	1.374.117.648	1.374.117.648
	3.882.638.064	(3.882.638.064)	5.256.755.712	5.256.755.712

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Vietinbank - Chi nhánh Đồng Tháp	5.500.000.012	5.500.000.012	7.775.862.076	7.775.862.076
MBBank - Chi nhánh Đồng Tháp	2.811.876.000	2.811.876.000	4.418.652.000	4.418.652.000
BIDV - Chi nhánh Đồng Tháp	2.862.745.098	2.862.745.098	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	(5.256.755.712)	(5.256.755.712)	(3.882.638.064)	(3.882.638.064)
	5.917.865.398	5.917.865.398	8.311.876.012	8.311.876.012

Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Mục đích vay	Hạn mức vay VND	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất (%/năm)	31/12/2021 VND
Vietinbank - Chi nhánh Đồng Tháp (1) Đầu tư đóng mới tàu dầu	11.000.000.000	5	8,1% - 10,5%	5.500.000.012
MBBank - Chi nhánh Đồng Tháp (2) Đầu tư đóng mới tàu dầu 2.350 tấn	8.000.000.000	5	9,70%	2.811.876.000
BIDV - Chi nhánh Đồng Tháp (3) Đầu tư đóng mới tàu dầu	4.000.000.000	5	8,10%	2.862.745.098
Nợ dài hạn đến hạn trả				(5.256.755.712)
				5.917.865.398

(1) Đây là khoản vay tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số 92/2019-HĐCVAĐT/NHCT720-DOPETCO được ký kết ngày 19 tháng 03 năm 2019 được thế chấp bằng các tài sản sau:

Tàu chở dầu Đồng Tháp 12 số đăng ký ĐT-22059, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 4.635.831.275 VNĐ
Tàu chở dầu Đồng Tháp 01 số đăng ký ĐT-25144, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 14.123.966.689 VNĐ
Tàu chở dầu Đồng Tháp 10 số đăng ký ĐT-19369, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 113.158.365 VNĐ

(2) Đây là khoản vay tại ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 4400.17.710.2553842.TD được ký kết ngày 08 tháng 05 năm 2017 và hợp đồng tín dụng 24637.18.710.2553842.TD được ký ngày 12 tháng 7 năm 2018 được thế chấp bằng các tài sản sau:

Tàu SAVIMEX 09: giá trị còn lại tại 30/06/2021 là 9.910.224.732 VNĐ
Thửa đất số 268, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng công ty.
Thửa đất số 291, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng Công ty

(3) Đây là khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - chi nhánh Đồng Tháp được thế chấp bằng tài sản là Tàu chở dầu Đồng Tháp 18 số đăng ký ĐT-22059, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 15.159.112.720 VNĐ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2021 VND	Vay trong năm VND	Trả trong năm VND	Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả VND	31/12/2021 VND
Vay ngân hàng	8.311.876.012	4.000.000.000	(1.137.254.902)	(5.256.755.712)	5.917.865.398
Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn			Tổng nợ VND	Từ dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại ngày 31/12/2021					
Vay ngân hàng			11.174.621.110	5.256.755.712	5.917.865.398
Tại ngày 01/01/2021			12.194.514.076	3.882.638.064	8.311.876.012

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Địa chỉ: 215 - 217 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	01/01/2021	Trích quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	31/12/2021
5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.080.593.003	1.200.951.295	(821.650.000)	1.369.894.298
5.19 Vốn chủ sở hữu				
5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu				
Vốn góp của chủ sở hữu VND				
Tại ngày 01/01/2020	47.199.500.000	14.002.702.375	10.888.779.549	72.830.922.314
Lãi trong năm	-	-	8.006.341.969	8.006.341.969
Trích lập các quỹ	-	813.349.301	(813.349.301)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.220.023.950)	(1.220.023.950)
Chi khen thưởng Ban điều hành	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(5.663.943.000)	(5.663.943.000)
Tại ngày 31/12/2020	47.199.500.000	14.816.051.676	10.947.805.267	73.703.297.333
Tại ngày 01/01/2021	47.199.500.000	14.816.051.676	10.947.805.267	73.703.297.333
Lãi trong năm	-	-	7.172.303.185	7.172.303.185
Trích lập các quỹ	-	800.634.197	(800.634.197)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.200.951.295)	(1.200.951.295)
Chia cổ tức	-	-	(7.079.925.000)	(7.079.925.000)
Trích thưởng HĐQT, BKS, BDH	-	-	(118.000.000)	(118.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	47.199.500.000	15.616.685.873	8.920.597.960	72.476.724.223
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND				
Quỹ đầu tư phát triển VND				
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND				
Thặng dư vốn cổ phần VND				
Tổng cộng VND				

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ Phần Thương Mại Dầu khí Đồng Tháp	24.072.720.000	51,00%	24.072.720.000	51,00%
Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Thành Lợi	2.538.000.000	5,38%	2.538.000.000	5,38%
Cổ đông khác	20.588.780.000	43,62%	20.588.780.000	43,62%
	47.199.500.000	100,00%	47.199.500.000	100,00%

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.719.950	4.719.950
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	4.719.950	4.719.950
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	4.719.950	4.719.950
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.719.950	4.719.950
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	4.719.950	4.719.950

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.19.4 Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2021 Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp số 01/2021/NQ-ĐHCĐ-DOP ngày 29 tháng 06 năm 2021, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	VND
Chia cổ tức trong năm (15% Vốn điều lệ)	7.079.925.000
Trích lập các quỹ	2.001.585.492
Trong đó:	
Quỹ đầu tư phát triển (10% Lợi nhuận sau thuế)	800.634.197
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% Lợi nhuận sau thuế)	1.200.951.295
Trích thưởng HĐQT, BKS, BDH	118.000.000

5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xóa nợ phải thu Trạm Xăng Dầu Sa Đéc	178.056.600	178.056.600
Ngoại tệ các loại	31/12/2021	01/01/2021
Dollar Mỹ (USD)	21.791,33	46.048,42

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.339.749.324	71.432.148.494
	72.339.749.324	71.432.148.494

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ đã cung cấp	17.705.392.011	16.611.366.820
	17.705.392.011	16.611.366.820

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	978.513	3.027.650
Lãi từ đầu tư góp vốn	162.015.360	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	64.712.128	6.506.892
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	68.869.712	54.437.824
	296.575.713	63.972.366

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.283.617.574	1.355.732.930
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	137.067.144	137.624.988
Chi phí tài chính khác	-	7.549.555
	1.420.684.718	1.500.907.473

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	8.278.847.000	9.406.951.240
Chi phí nguyên, vật liệu	15.711.000	4.156.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.656.860.247	7.732.387.007
Chi phí sửa chữa tàu	4.900.619.153	4.918.707.457
Chi phí bán hàng khác	17.047.709.785	13.273.267.568
	37.897.747.185	35.335.469.636

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.170.902.280	2.052.877.000
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	39.914.545	3.340.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.290.580	80.290.558
Chi phí thuê, lệ phí	1.357.422.698	1.529.113.962
Chi phí quản lý khác	5.046.242.564	5.093.055.135
	8.694.772.647	8.758.676.655

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.417.272.727	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.654.446.925	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(237.174.198)	-
Thu nhập từ bồi thường	-	5.056.000
Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế	-	252.341.768
	1.417.272.727	257.397.768

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.871.238.534	16.618.863.184
Chi phí nhân công	10.447.749.280	11.459.828.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.737.150.807	7.812.677.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.559.086.183	6.395.024.548
Chi phí khác	19.792.908.017	18.419.119.574
	64.408.132.821	60.705.513.111

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.172.303.185	8.006.341.969
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau:		
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.200.951.295)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.172.303.185	6.805.390.674
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	4.719.950	4.719.950
	1.520	1.442

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	4.000.000.000	-

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	5.019.892.966	3.882.638.064

8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

I Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Các khoản vay và nợ	5.256.755.712	5.917.865.398	11.174.621.110
Phải trả người bán	2.571.654.342	-	2.571.654.342
Phải trả khác và chi phí phải trả	7.685.333.304	-	7.685.333.304
	15.513.743.358	5.917.865.398	21.431.608.756

Ngày 01 tháng 01 năm 2021			
Các khoản vay và nợ	3.882.638.064	8.311.876.012	12.194.514.076
Phải trả người bán	1.142.956.700	-	1.142.956.700
Phải trả khác và chi phí phải trả	1.738.261.161	-	1.738.261.161
	6.763.855.925	8.311.876.012	15.075.731.937

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố, thế chấp phương tiện vận tải, đất đai vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8, 5.9).

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng	2.498.703.947	277.492.049	2.498.703.947	277.492.049
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	307.559.224	2.640.912.274	307.559.224,00	2.640.912.274
Các khoản phải thu khác	2.756.302.726	2.724.701.166	2.756.302.726	2.724.701.166
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư tài chính dài hạn	8.759.976.460	8.759.976.460	8.759.976.460	8.759.976.460
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.158.492.493	2.255.997.355	2.158.492.493	2.255.997.355
	16.481.034.850	16.659.079.304	16.481.034.850	16.659.079.304
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	11.174.621.110	12.194.514.076	11.174.621.110	12.194.514.076
Phải trả các bên liên quan	5.268.026.930	840.300.000	5.268.026.930	840.300.000
Phải trả người bán	1.032.535.412	302.656.700	1.032.535.412	302.656.700
Phải trả khác	3.956.425.304	1.738.261.161	3.956.425.304	1.738.261.161
	21.431.608.756	15.075.731.937	21.431.608.756	15.075.731.937

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chia cổ tức	-	34.042.800
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lương, thưởng	522.900.000	636.000.000
Thù lao	294.000.000	198.000.000
	816.900.000	834.000.000

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

8.2.1 Giao dịch và số dư với Công ty mẹ

Giao dịch với Công ty mẹ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty CP Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	15.034.255.220	27.698.993.621
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	3.780.308.800
Trả cổ tức	1.194.071.740	1.388.131.650
Bồi thường hàng thiếu	663.272.728	886.090.910
Mua dầu nhớt	1.427.174.198	-
Bán tài sản cố định	-	-

Công nợ với Công ty mẹ như sau:

Công ty liên quan	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp		
Phải thu tiền bán hàng hóa	44.661.521	2.326.851.162
Phải trả tiền hàng	228.000.000	79.800.000
Cổ tức phải trả	3.610.908.000	-

8.2.2 Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Giao dịch với bên liên quan khác	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp		
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.573.484.891	3.500.672.239
Mua dầu nhớt	5.809.526.012	4.046.627.170
Chi phí thuê tàu	39.560.440	180.200.910

Công nợ với bên liên quan khác như sau:

Công ty liên quan	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp		
Phải thu tiền vận chuyển	262.897.703	314.061.112
Phải trả tiền hàng	1.311.118.930	760.500.000

8.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh dịch vụ vận tải và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.4 Trình bày lại số liệu so sánh

Công ty trình bày lại thông tin về Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 do điều chỉnh lại số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 Theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2021 Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp ngày 29 tháng 06 năm 2021:

Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Mã số	2020 Số liệu đã trình bày	Điều chỉnh tăng/ (giảm)	2020 Số liệu trình bày lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.696	(254)	1.442

8.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu công bố trong Báo cáo tài chính.

Clal

LÊ THỊ THANH
 Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
 Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2022



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Trà Vinh, ngày 20 tháng 04 năm 2022
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT